

---

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại ngày nay, sự phát triển của một quốc gia phải gắn chặt với xu thế chung của toàn thế giới. Nền kinh tế Việt Nam cũng không phải một ngoại lệ, nó vừa phụ thuộc vừa thúc đẩy quá trình lớn mạnh của nền kinh tế toàn cầu. Quá trình gia nhập WTO là một minh chứng cho sự cố gắng không ngừng nghỉ của đất nước trong những năm gần đây. Sự kiện này không chỉ mang lại cơ hội đầu tư mạnh mẽ cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện tiếp cận và học hỏi phương pháp sản xuất và kinh doanh tiên tiến, tạo sự cạnh tranh trong kinh doanh để hướng tới mục tiêu phát triển chung; mà nó còn tạo sức ép và thách thức không nhỏ cho họ.

Từ những kiến thức đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hạnh Toàn – Quảng Ninh” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 phần chính:

***Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh vào doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh.***

***Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh.***

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng, cùng ban lãnh đạo, tập thể nhân viên phòng kế toán công ty TNHH Hạnh Toàn đã tạo điều kiện và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em rất mong sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng – 2010

Sinh viên

Đào Thị Thu Phương

---

**CHƯƠNG 1:****MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Một số vấn đề chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*****1.1.1 Các khái niệm cơ bản liên quan đến bán hàng và xác định kết quả kinh doanh***

✓ *Bán hàng*: Là quá trình chuyển giao quyền sở hữu về hàng hóa từ người bán sang người mua. Đồng thời người bán có quyền đòi số tiền về số hàng đã chuyển giao quyền sở hữu. Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, nó có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp bởi quá trình này chuyển hóa vốn của doanh nghiệp từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ), giúp cho các doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh tiếp theo.

*Cung cấp dịch vụ*: Là thực hiện đúng những thỏa thuận theo hợp đồng kinh tế trong suốt một hay nhiều kỳ kế toán.

Bản chất của quá trình bán hàng:

+ Bán hàng là hoạt động kinh tế hai mặt: doanh nghiệp đem bán thành phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ đồng thời đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua. Đối với doanh nghiệp xây dựng cơ bản, giá trị của sản phẩm xây lắp được thực hiện thông qua công tác bàn giao công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

+ Hàng hóa cung cấp để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội được gọi là hàng hóa bán ra ngoài. Trường hợp hàng hóa cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty được gọi là bán hàng nội bộ.

✓ *Doanh thu*: Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu được xác định bằng trị giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Hình thức thanh toán: gồm thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt (Sec, chuyển khoản,...).

✓ *Chi phí bán hàng*: Là tổng chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

✓ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là tổng chi phí có liên quan tới hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

✓ *Kết quả kinh doanh*: Là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ.

### **1.1.2. Nguyên tắc kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh**

- Hạch toán doanh thu hàng hóa phải tôn trọng nguyên tắc chi phí, doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh phải phù hợp với niên độ kế toán.

- Chi phí hạch toán vào doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ, các khoản doanh thu bán hàng của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, lao cụ, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ hạch toán. Không hạch toán vào các tài khoản doanh thu những khoản doanh thu chưa chắc chắn có khả năng được thực hiện.

- Doanh thu bán hàng (bao gồm cả doanh thu bán hàng nội bộ) phải được theo dõi chi tiết cho mọi loại hình kinh doanh. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.

- Trường hợp bán hàng thông thường thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán ghi trên hóa đơn:

+ Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

+ Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, hoặc chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì mức giá ghi nhận doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế giá trị gia tăng).

+ Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa, thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán thu tiền một lần. Phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu được và giá bán thu tiền một lần được tính vào thu nhập tài chính (phần này không phải chịu thuế giá trị gia tăng).

- Trường hợp doanh nghiệp bán hàng qua các đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng doanh thu tính theo giá bán mà doanh nghiệp quy định cho các đại lý (không trừ vào tiền hoa hồng).

- Đối với cơ sở đại lý nhận bán hộ và bán theo giá đúng quy định thì doanh thu được tính bằng tiền hoa hồng được hưởng (không phải chịu thuế GTGT).

- Đối với trường hợp hàng đổi hàng thì mức giá để ghi nhận doanh thu được tính theo giá thông thường của sản phẩm xuất đổi.

- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, quy cách kỹ thuật,... người mua hàng từ chối thanh toán gửi trả hàng cho người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua hàng với số lượng lớn được theo dõi riêng biệt trên tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại, tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán, hoặc tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại.

- Đối với trường hợp cho thuê có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong những trường hợp sau:

- + Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- + Trị giá thành phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên một công ty, tổng công ty hạch toán toàn ngành.
- + Số tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- + Trị giá thành phẩm, hàng hóa được gửi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.
- + Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là tiêu thụ).
- + Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Khi hạch toán vào TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện cần tôn trọng một số quy định sau:

- + Khi bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả ngay tại thời điểm ghi nhận.
- + Giá bán trả ngay được ghi nhận bằng việc quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản doanh thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Phần lãi bán hàng trả chậm, trả góp là khác nhau giữa giá bán trả chậm, trả góp và giá bán ngay được ghi nhận vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện.
- + Khi nhận trước tiền cho thuê tài sản của nhiều năm, thì số tiền nhận trước được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Trong các năm tài chính tiếp sau sẽ ghi nhận doanh thu phù hợp với doanh thu các năm.

### ***1.1.3 Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh***

#### ***1.1.3.1 Tính cần thiết của công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh***

Nhìn trên phạm vi doanh nghiệp, bán hàng là nhân tố quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Sức tiêu thụ thể hiện khả năng cạnh tranh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Nó là cơ sở để đánh giá trình độ tổ chức quản lý hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế, bán hàng có một vai trò đặc biệt, nó vừa là điều kiện để tiến hành tái sản xuất xã hội, vừa là cầu nối giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng, phản ánh sự gặp nhau giữa cung và cầu về hàng hóa, qua đó định hướng cho sản xuất, tiêu dùng và khả năng thanh toán.

Với một doanh nghiệp, việc tăng nhanh quá trình bán hàng tức là tăng vòng quay vốn và trực tiếp làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, từ đó sẽ nâng cao đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

Trong doanh nghiệp, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý sản xuất và tiêu thụ, thông qua số liệu kế toán nói chung, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh

doanh nói riêng giúp cho doanh nghiệp và các cấp có thẩm quyền đánh giá được mức độ hoàn thành của doanh nghiệp về sản xuất, giá thành, tiêu thụ và lợi nhuận.

### 1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Để thực sự là công cụ cho quá trình quản lý, kế toán bán hàng và kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt và đầy đủ các nhiệm vụ sau đây:

- Ghi chép và tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ. Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình quản lý thành phẩm trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động của thành phẩm, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tiến hành lập báo cáo và gửi báo cáo kết quả kinh doanh theo đúng chế độ tài chính, định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

- Cung cấp thông tin kinh tế cần thiết một cách chính xác, trung thực, đầy đủ về tình hình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh cho các bộ phận có liên quan.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Kế toán bán hàng**

#### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Phiếu thu tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm thu,...
- Các chứng từ khác có liên quan tới nghiệp vụ bán hàng

#### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 155 – Thành phẩm*

*Tài khoản 156 – Hàng hóa*

*Tài khoản 157 – Hàng gửi bán*

*Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

*Tài khoản 512 – Doanh thu nội bộ*

*Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại*

*Tài khoản 531 – Giảm giá hàng bán*

*Tài khoản 532 – Hàng bán bị trả lại*

*Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp*

*Tài khoản 3387 – Doanh thu chưa thực hiện*

*Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán*

*Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng*

*Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp*

✓ *Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: (tiêu thụ bên ngoài) dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền và các khoản giảm trừ doanh thu, từ đó tính ra doanh thu thuần về tiêu thụ. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng loại doanh thu (trong từng loại doanh thu có thể lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu).*



TK 511 được chi tiết thành:

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản

✓ *Tài khoản 512* – Doanh thu bán hàng nội bộ: Dùng phản ánh doanh thu của số hàng tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

TK 512 được chi tiết thành:

TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Nội dung kết cấu TK 511 và TK 512:

**TK 511, TK 512**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ.</li> <li>- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập hợp doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ; doanh thu bán hàng nội bộ phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
---	---

*TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ*

✓ *Tài khoản 632* – Giá vốn hàng bán: là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao cụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao cụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn là bao gồm giá mua hàng hóa tiêu thụ và chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Nội dung kết cấu TK 632:

**TK 632**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường của người gây ra.</li> <li>- Khoản dự phòng giảm giá phải lập năm nay lớn hơn năm trước.</li> <li>- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt định mức không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự chế tạo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ kế toán.</li> <li>- Kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
--	---

*TK 632 không có số dư cuối kỳ*

✓ *Tài khoản 641* – Chi phí bán hàng: Dùng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

✓ *Tài khoản 642* – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Dùng phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

Nội dung kết cấu TK 641, 642:

**TK 641, 642**

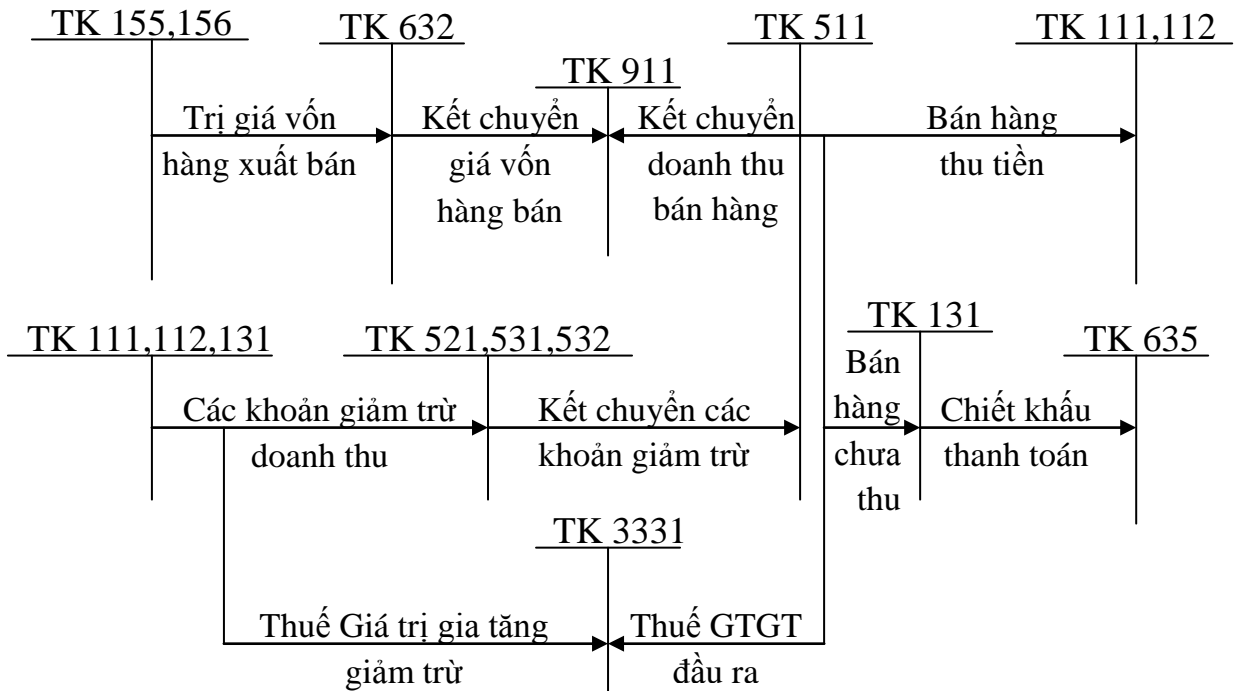
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.</li> </ul>
--	---

*TK 641, 642 không có số dư cuối kỳ*

1.2.1.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

❖ *Hạch toán tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp.*

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

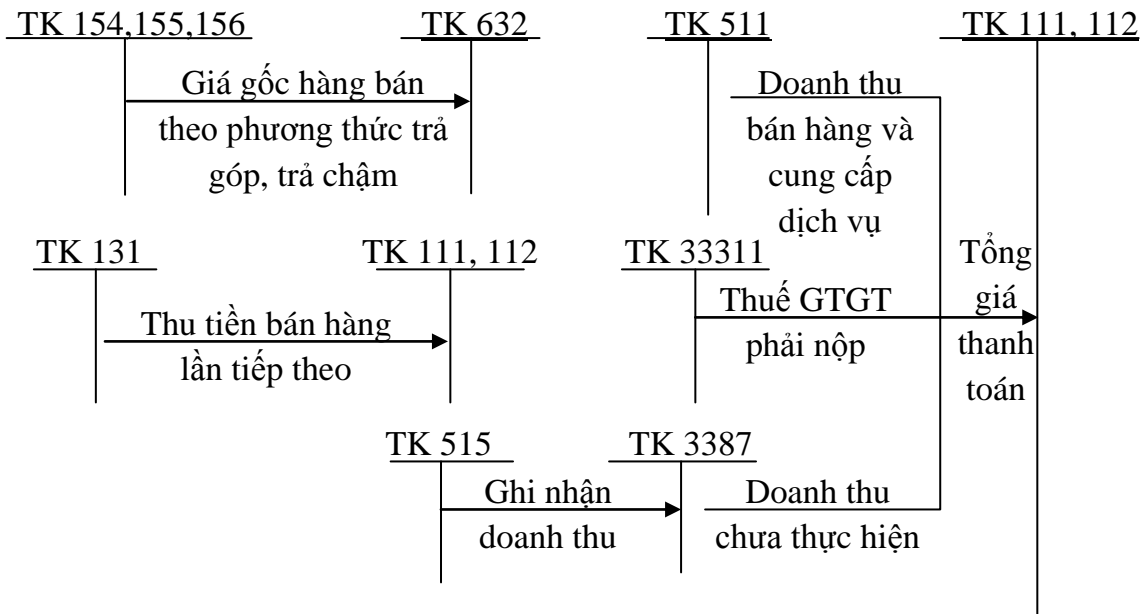


**Sơ đồ 1.1: Hạch toán tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp**

❖ *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức trả góp, trả chậm*

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, sau khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được coi là tiêu thụ. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua, số tiền còn lại sẽ trả dần vào các kỳ tiếp theo và phải chịu một phần lãi suất nhất định. Tiền thu bán hàng như vậy chia làm 2 phần: Doanh thu bán hàng xác định như bán hàng thu tiền một lần và phần lãi trả góp tính vào DT tài chính.

Khoản lãi trả góp không tính vào TK 511 mà được phản ánh vào giá vốn tiêu thụ giống như trường hợp tiêu thụ trực tiếp, còn doanh thu tiêu thụ được phản ánh qua sơ đồ:

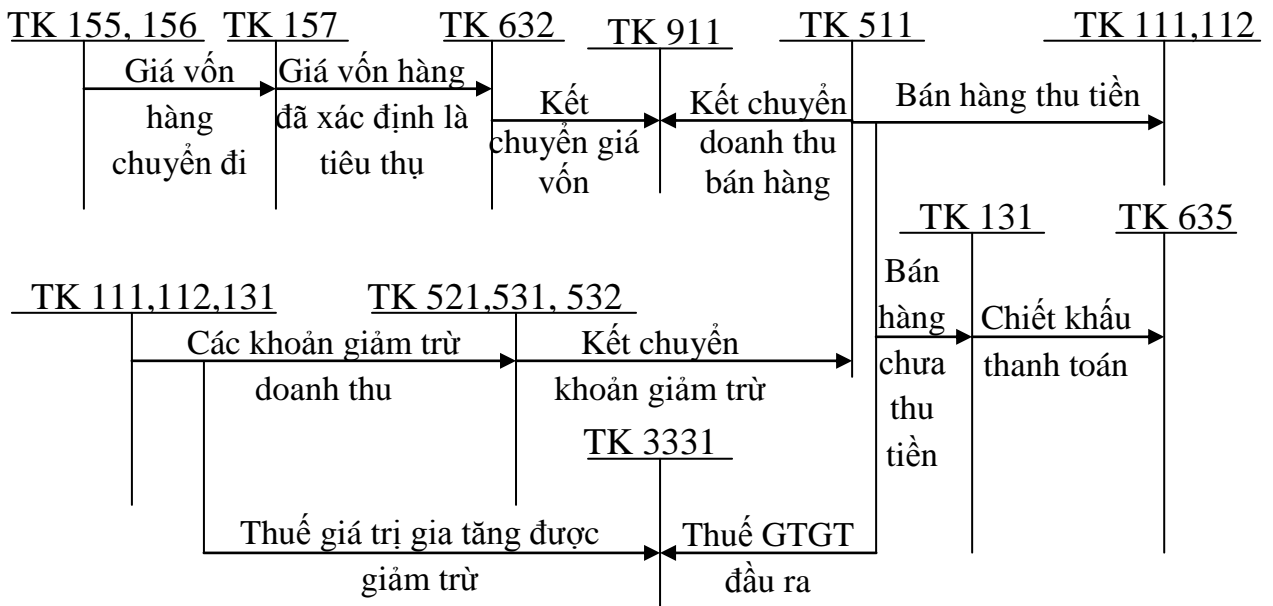


**Sơ đồ 1.2: Hạch toán bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm**

❖ *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức đại lý, ký gửi*

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

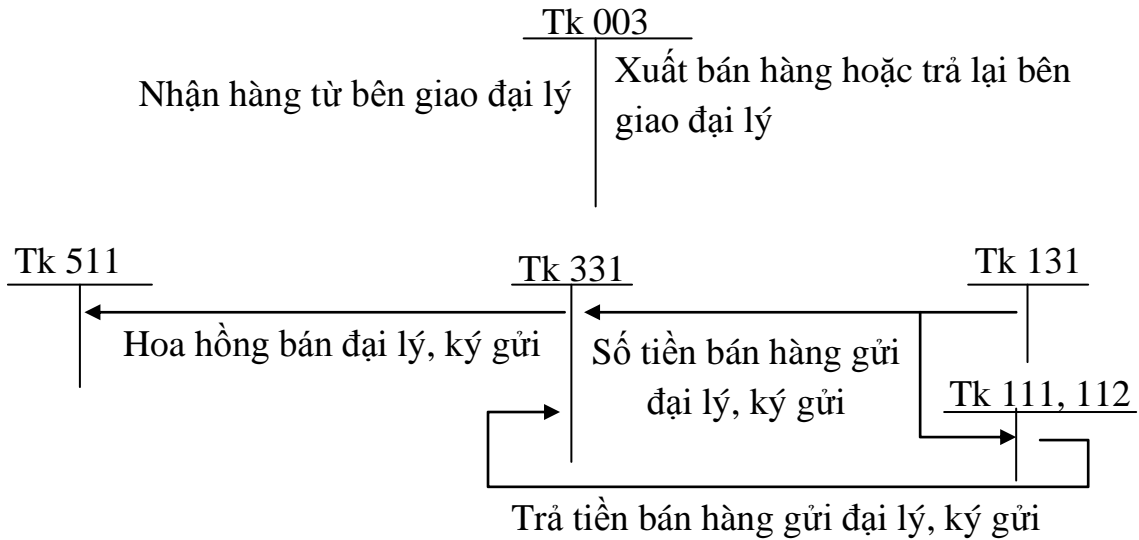
- Hạch toán tại đơn vị chủ hàng (bên giao đại lý):



**Sơ đồ 1.3: Hạch toán bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi (bên giao đại lý)**

- *Hạch toán tại đơn vị nhận đại lý (bên đại lý)*

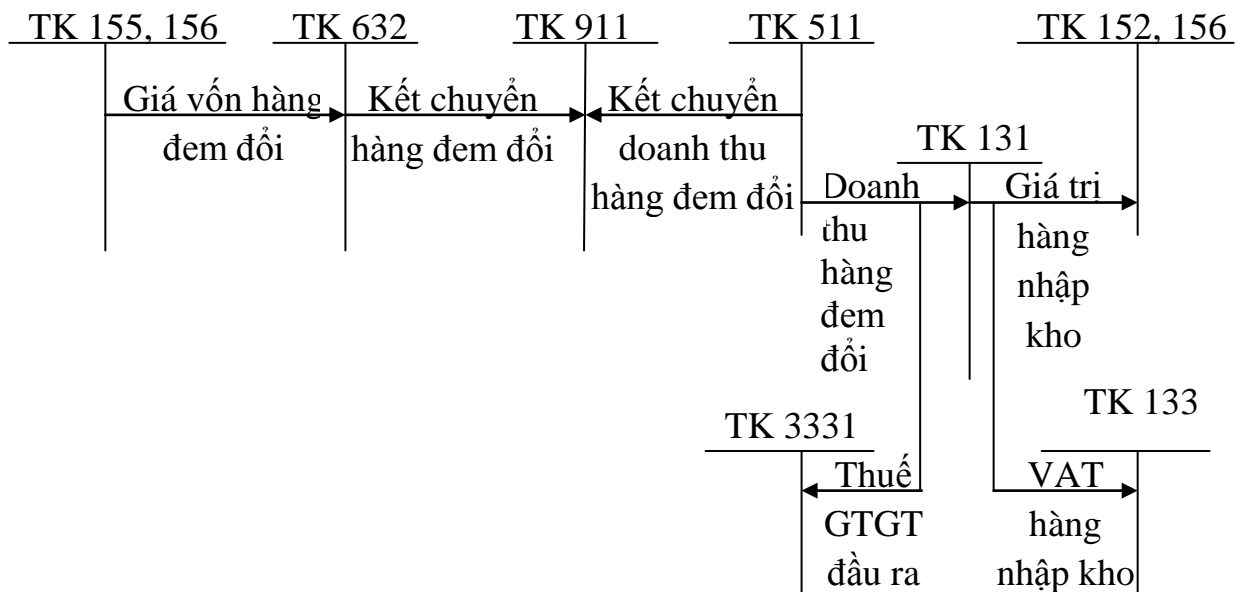
Một số nghiệp vụ chủ yếu:



**Sơ đồ 1.4: *Hạch toán bán hàng theo phương thức đại lý (bên nhận đại lý)***

❖ *Hạch toán tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng*

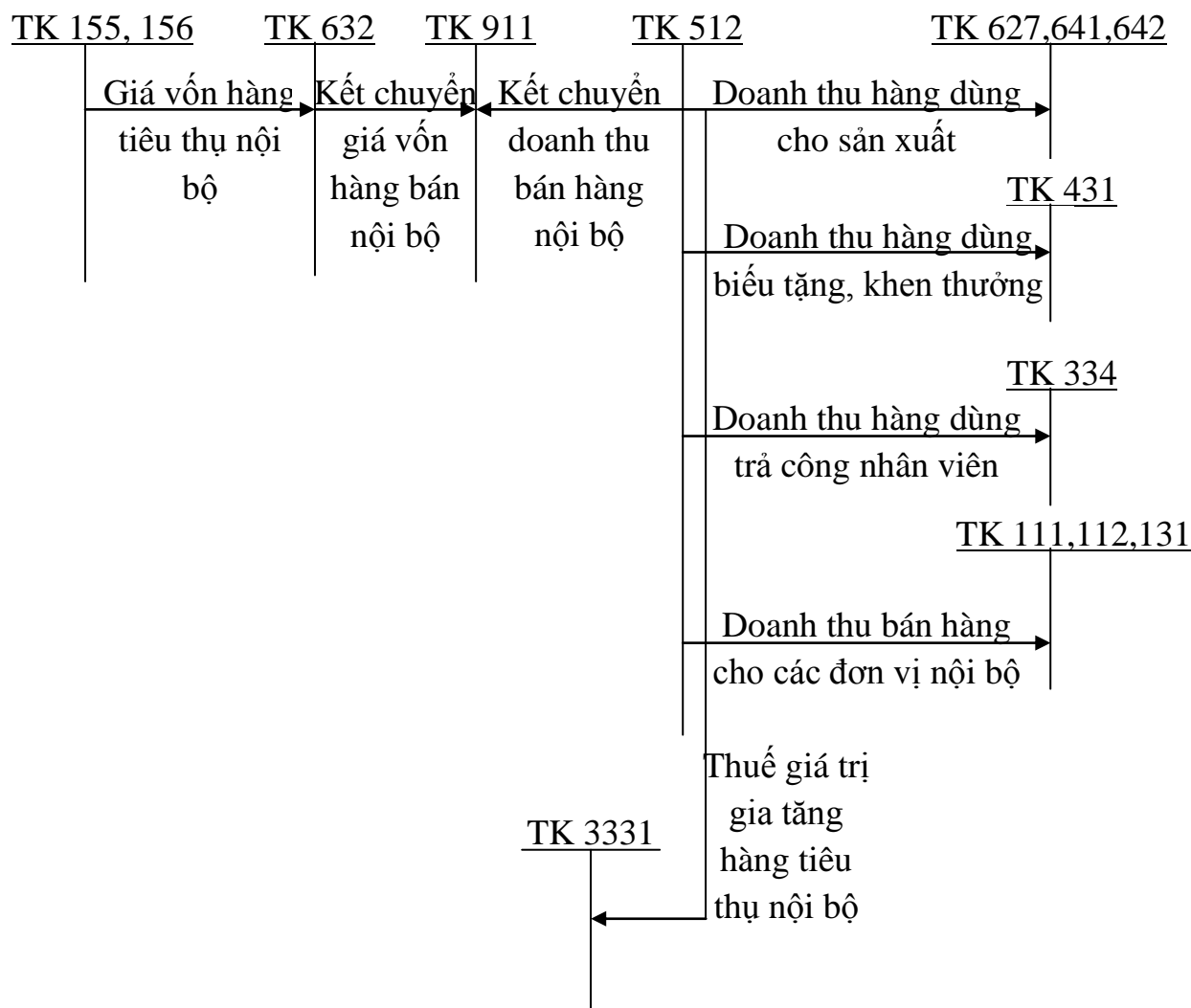
Là phương thức bán hàng mà người mua không trả bằng tiền mà trả bằng vật tư, hàng hóa. Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế mà doanh nghiệp đã ký kết với nhau trên cơ sở ngang giá, hàng gửi đi coi như bán, hàng nhận về coi như mua.



**Sơ đồ 1.5: *Hạch toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng***

❖ *Hạch toán tiêu thụ nội bộ:*

Tương tự như trường hợp tiêu thụ bên ngoài, tuy nhiên doanh thu tiêu thụ được phản ánh trên tài khoản 512.

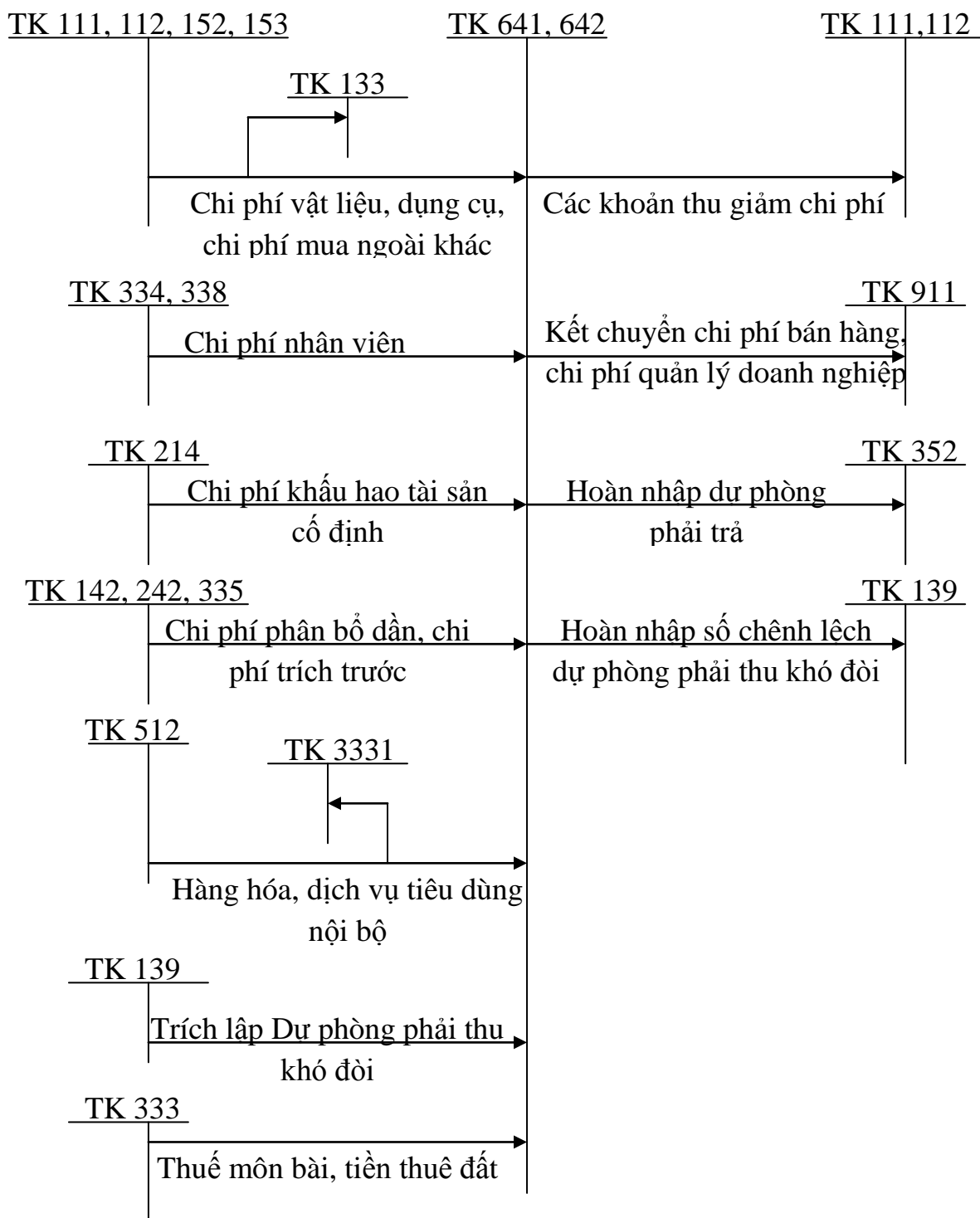


**Sơ đồ 1.6: Hạch toán bán hàng nội bộ**

❖ *Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp*

Để xác định kết quả kinh doanh, bên cạnh việc phải tính toán chính xác doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng tiêu thụ, kế toán còn phải

tiến hành tập hợp các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ chính xác, kịp thời.



**Sơ đồ 1.7: Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

### **1.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán kết chuyển Doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 511* - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*Tài khoản 512* – Doanh thu nội bộ

*Tài khoản 515* – Doanh thu hoạt động tài chính

*Tài khoản 632* – Giá vốn hàng bán

*Tài khoản 635* – Chi phí tài chính

*Tài khoản 641* – Chi phí bán hàng

*Tài khoản 642* – Chi phí quản lý doanh nghiệp

*Tài khoản 711* – Thu nhập khác

*Tài khoản 811* – Chi phí khác

*Tài khoản 911* – Xác định kết quả kinh doanh

*Tài khoản 821* – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

*Tài khoản 421* – Lợi nhuận chưa phân phối.

#### Nội dung kết cấu TK 911

#### **TK 911**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá gốc của sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp.</li> <li>- Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.</li> <li>- Kết chuyển chi phí tài chính.</li> <li>- Kết chuyển chi phí khác.</li> <li>- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.</li> <li>- Số lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp trong kỳ vào TK 421</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu tài chính</li> <li>- Kết chuyển thu nhập khác</li> <li>- Kết chuyển số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ vào TK 421</li> </ul>
--	--

*TK 911 không có số dư cuối kỳ*

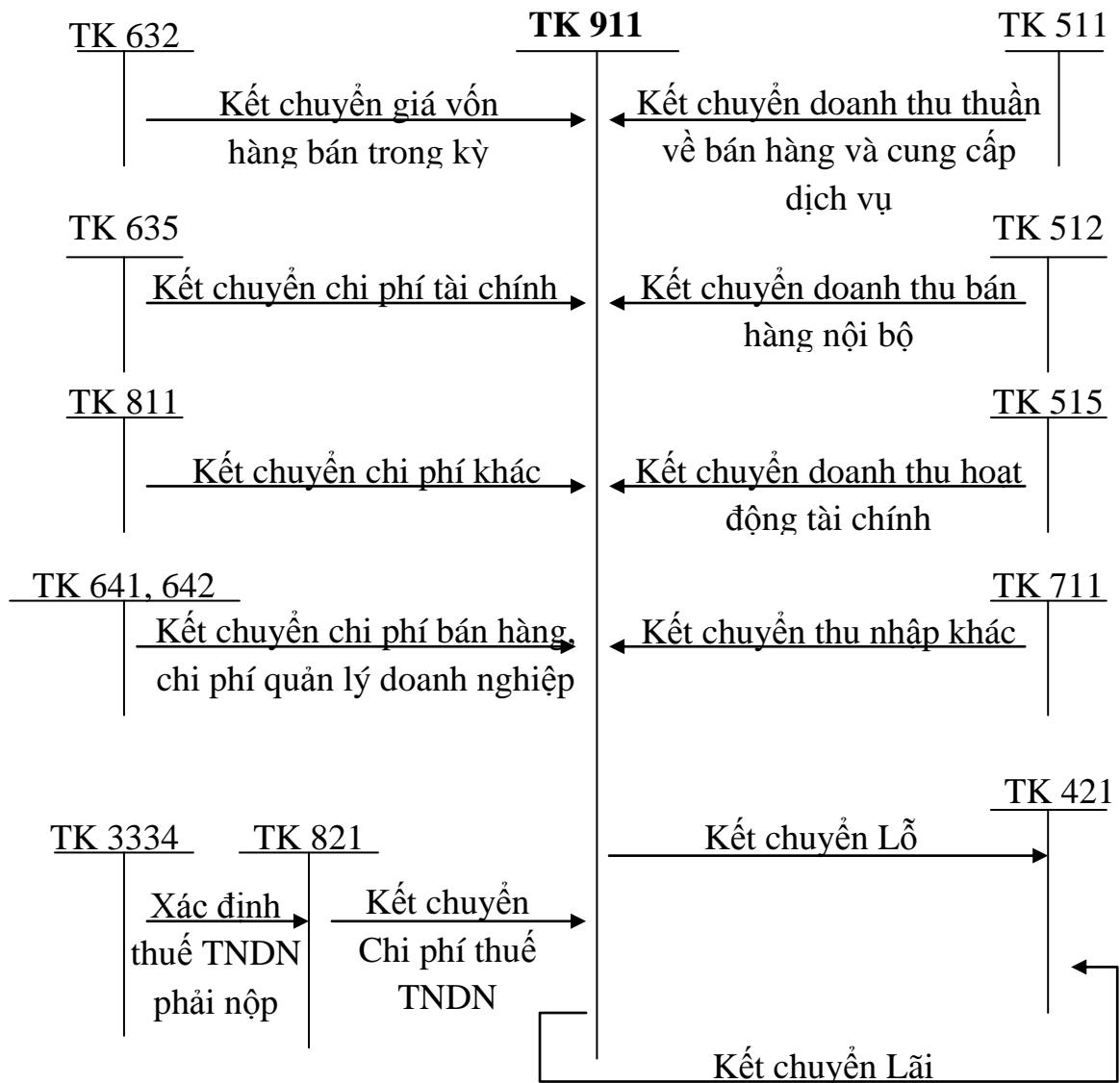


1.2.2.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

❖ *Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Xác định kết quả kinh doanh là xác định toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Một số nghiệp vụ chủ yếu về xác định kết quả kinh doanh:



**Sơ đồ 1.8: Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### 1.3 Vận dụng hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh nói riêng, sổ sách kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Hệ thống sổ sách kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

✓ *Hệ thống sổ kế toán chi tiết:* Kế toán chi tiết cho các tài khoản doanh thu, giá vốn, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Sổ chi tiết TK 511, 512

Sổ chi tiết TK 531, 532

Sổ chi tiết TK 632, 911

Sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh (dùng cho các TK 154, 627, 641, 642,...)

✓ *Hệ thống sổ kế toán tổng hợp*

Tùy theo từng hình thức kế toán mà mỗi công ty áp dụng hệ thống sổ tổng hợp khác nhau. Trong phạm vi khóa luận của mình em xin được trình bày hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung để đối chiếu và kiểm tra.

Theo hình thức Nhật ký chung, hệ thống sổ kế toán tổng hợp về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

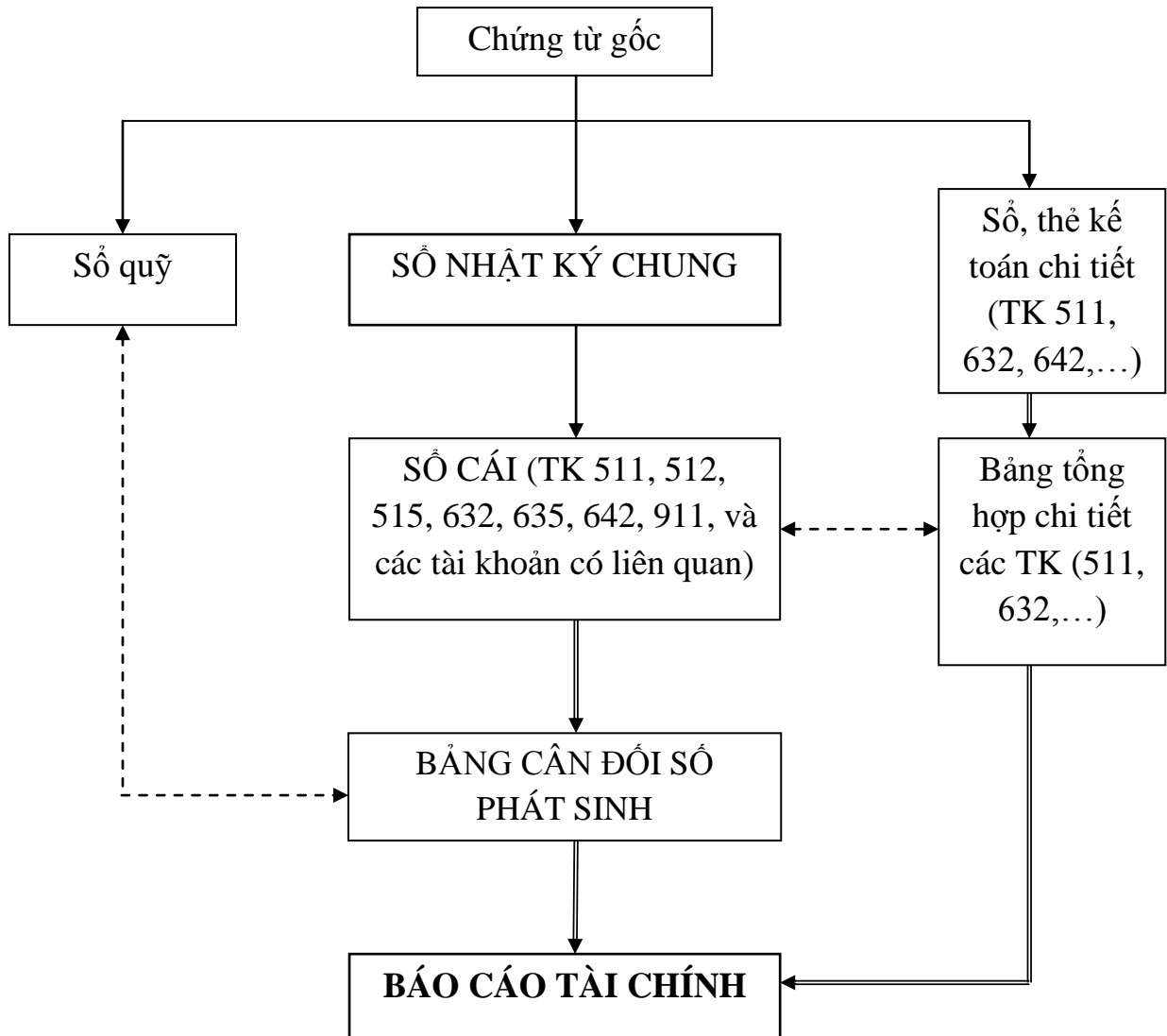
- Sổ cái các tài khoản về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh như: 511, 512, 531, 532, 632, 641, 642, 911,...

- Các sổ, thẻ kế toán

- Phiếu kế toán tổng hợp

- Báo cáo tài chính năm và bảng cân đối tài khoản

Thứ tự việc nhập số liệu vào hệ thống sổ kế toán tuân theo trình tự nhất định, được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.10** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung áp dụng trong kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi định kỳ
- ←---→ : Đối chiếu kiểm tra

---

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN – QUẢNG NINH**

### **2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Hạnh Toàn**

Tên doanh nghiệp: *Công ty trách nhiệm hữu hạn Hạnh Toàn – Quảng Ninh.*

Tên giao dịch quốc tế: *Hanh Toan Limited Company*

*(Hanh Toan Co.,Ltd)*

Trụ sở chính: Tổ 52 - Khu Trung Sơn – Phường Cẩm Sơn – Thị xã Cẩm Phả -  
tỉnh Quảng Ninh

Loại hình công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỉ đồng Việt Nam).

Mã số thuế: 5700392785

Ngày đăng ký: 26/06/2002

Điện thoại: 0333 861 104

Fax: 0333 860 270

Tài khoản ngân hàng: 102.01.0000.224341

tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, chi nhánh thị xã Cẩm Phả.

Số lao động: 120 người

Công ty TNHH Hạnh Toàn được thành lập ngày 10 tháng 4 năm 2002 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 22.02.000186 do Phòng đăng ký kinh doanh, sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Công Ty TNHH Hạnh Toàn - Quảng Ninh được thành lập, hoạt động theo đúng luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Công ty thuộc hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản đăng ký tại ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Bằng những cố gắng và nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ ban lãnh đạo cùng toàn thể công nhân viên, về cơ bản công ty đã từng bước thực hiện được những mục tiêu ban đầu của mình. Tuy số công nhân còn ít ỏi, chỉ bao gồm 120 người nhưng công ty cũng đã góp một phần nào giải quyết vấn đề việc làm cho lực lượng lao động nhàn rỗi trên địa bàn phường Cẩm Sơn nói riêng và thị xã Cẩm Phả nói chung. Đồng thời công ty TNHH Hạnh Toàn Quảng Ninh cũng đã góp phần không nhỏ vào phục vụ lợi ích và nhu cầu sản xuất kinh doanh của các thành viên tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (TKV).

Sau gần 8 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty TNHH Hạnh Toàn đã từng bước phát triển, đã đạt một số thành tích trong sản xuất kinh doanh, nhiều lần nhận giấy khen của các cấp lãnh đạo ngành, phường, thị xã trong phong trào sản xuất kinh doanh.

### ***2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh***

*Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký kinh doanh số 22.02.000186, công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh có những ngành nghề đăng ký kinh doanh sau:*

- Dịch vụ kho bãi, vật tư, thiết bị mở hàng hóa (than).
- Dịch vụ bốc xúc, vận chuyển than; san gạt đánh tẫy than (Thực hiện theo các hợp đồng với các đơn vị thành viên của tập đoàn TKV).
- San lấp mặt bằng, kinh doanh vật liệu chất đốt dân dụng.
- Kinh doanh than mỏ.
- Dịch vụ việc làm và cung ứng lao động.
- Khai thác, chế biến kinh doanh khoáng sản.
- Khai thác, chế biến, kinh doanh nước khoáng nóng chữa bệnh.
- Nuôi trồng thủy hải sản, xuất nhập khẩu thủy hải sản và thức ăn gia súc, gia cầm.
- Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT.

Trong đó, hoạt động chính của doanh nghiệp là cung ứng dịch vụ bốc xúc, vận chuyển than; san gạt đánh tầy than (thực hiện theo các hợp đồng với các đơn vị thành viên của tập đoàn TKV). Với hoạt động này, doanh thu chủ yếu của công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh là từ cung cấp dịch vụ. Quá trình cung cấp dịch vụ được tính từ khi hai bên ký hợp đồng dịch vụ, kết thúc khi doanh nghiệp bàn giao kết quả dịch vụ cho bên thuê dịch vụ.

Công ty TNHH Hạnh Toàn là Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ, do đó Giám đốc kiêm chủ tịch hội đồng thành viên chịu trách nhiệm chung về tình hình công ty. Phó giám đốc có trách nhiệm về mặt sản xuất kinh doanh. Phòng kế toán tài chính cung cấp tài chính và kiểm tra tài chính, cung cấp thông tin cho nhà quản lý. Các phòng ban khác có trách nhiệm thực hiện sản xuất kinh doanh.

**2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Hạnh Toàn**

Là một doanh nghiệp kinh doanh nên cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty tương đối hợp lý và gọn nhẹ. Công ty vận dụng theo mô hình trực tuyến chức năng, trong đó Giám đốc trực tiếp quản lý các phòng ban. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm về mặt sản xuất kinh doanh, cùng với các phòng ban tham mưu cho Giám đốc trong công tác chuyên môn của mình, hướng dẫn các đơn vị thực hiện, bảo đảm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH Hạnh Toàn**

- *Hội đồng thành viên của công ty*: là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, có quyền quyết định phương hướng nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh của công ty, quyết định về huy động vốn, kết nạp thành viên mới, tăng giảm vốn điều lệ của công ty,... theo quy định của luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2000.

- *Giám đốc công ty kiêm chủ tịch hội đồng thành viên* – Ông Nguyễn Văn Bón (nắm giữ 78% vốn góp) – là người lãnh đạo cao nhất trong Công ty, là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và trước pháp luật về quản lý con người, tài sản và tổ chức sản xuất kinh doanh.

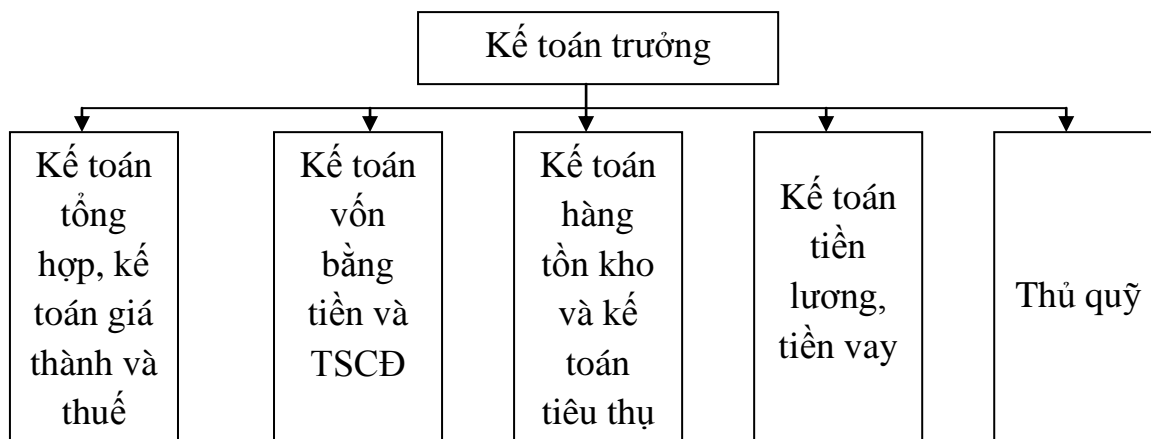
- *Phó Giám đốc* – Ông Nguyễn Văn Sơn (nắm giữ 22% vốn góp) là người tham mưu và thay mặt Giám đốc lúc Giám đốc vắng mặt, Phó giám đốc phụ trách trực tiếp tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- *Phòng Tổ chức – Hành chính*: quản lý về nhân lực, kiểm soát các giấy tờ lưu chuyển trong Công ty. Cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm về đối nội, đối ngoại.

- *Phòng Tài chính - Kế toán*: hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính, lập và theo dõi kế hoạch tài chính, phân tích hoạt động.

- *Quản đốc cảng, tổ trưởng dịch vụ tiêu thụ than, phòng kinh doanh công ty* làm chức năng trực tiếp điều hành và thực hiện sản xuất kinh doanh tại đơn vị cơ sở phụ trách.

**2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**



**Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Hạnh Toàn**

✓ Theo như mô hình trên thì toàn bộ công tác báo cáo tài chính kế toán được thực hiện tại phòng Kế toán – Tài chính.

- *Kế toán trưởng*: phụ trách chung toàn bộ công tác kế toán và quản lý tài chính.
- *Kế toán tổng hợp kiêm kế toán giá thành và kế toán thuế*: phụ trách tập hợp chi phí tính giá thành, tổng hợp BCTC, báo cáo thuế.
- *Kế toán tiền lương, tiền vay*: tính lương và thanh toán lương, phụ trách các khoản vay, kế hoạch vay và trả nợ.
- *Kế toán vốn bằng tiền và TSCĐ*: theo dõi các khoản thu - chi bằng tiền mặt, tiền gửi, theo dõi TSCĐ và tính khấu hao.
- *Kế toán hàng tồn kho và tiêu thụ*: theo dõi vật tư trong việc thực hiện hợp đồng dịch vụ tại các cơ sở đơn vị, hạch toán bàn giao công trình.
- *Thu quỹ*: quản lý tiền mặt tại quỹ.

#### **2.1.5. Tổ chức hình thức kế toán tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

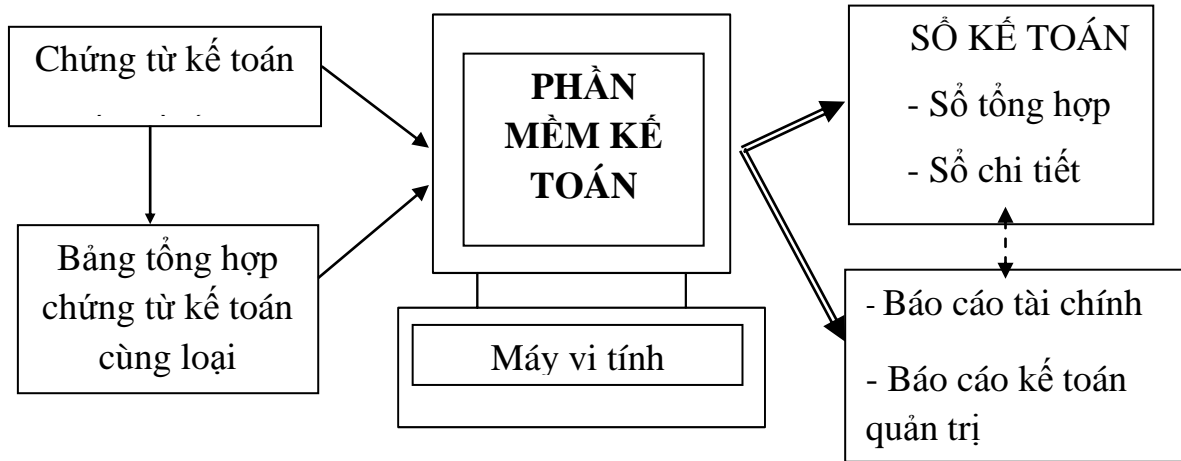
✓ Công ty áp dụng hình thức kế toán: kế toán trên máy vi tính.

Phần mềm kế toán Công ty sử dụng là OSA Book 2008 do Trung tâm phần mềm OTM cung cấp.

Phần mềm OSA Book 2008 chia làm nhiều phân hệ như: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Bán hàng và công nợ phải thu; Mua hàng và công nợ phải trả; Hàng tồn kho;.v.v... mỗi kế toán viên sẽ được quản lý một hoặc một số phân hệ theo sự phân quyền của kế toán trưởng.

Đặc điểm của hình thức kế toán trên máy vi tính (kế toán máy): Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc để cập nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu đã được thiết kế theo các quy trình của các phần mềm máy tính kế toán, các thông tin sẽ được cập nhập vào các sổ kế toán và Báo cáo tài chính.

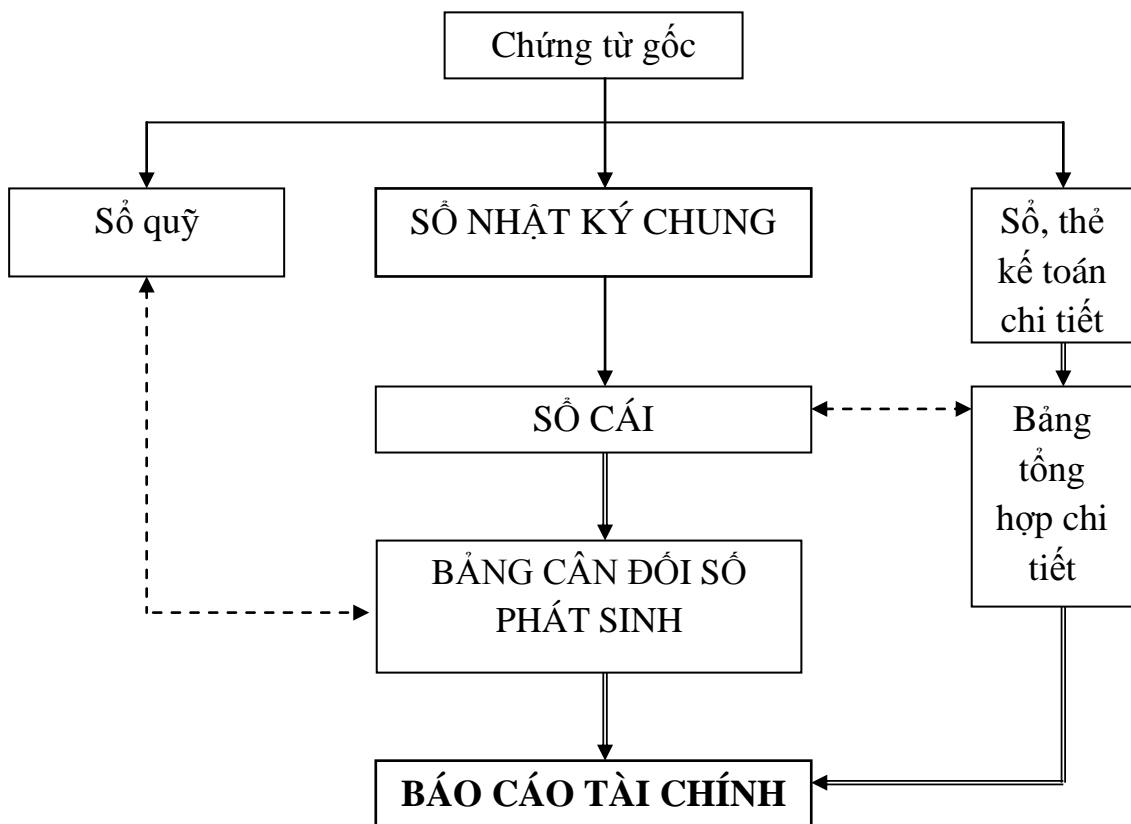




**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

- Ghi chú:
- : Nhập số liệu hàng ngày
  - ⇒ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
  - ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

✓ Kế toán áp dụng sổ sách theo hình thức Nhật Ký Chung, theo đó, số liệu được cập nhật qua hệ thống phần mềm kế toán sẽ tự động đưa ra các sổ sách kế toán theo trình tự của hình thức kế toán Nhật ký chung, cụ thể như sau:



**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức sổ Nhật ký chung**

✓ Công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh tổ chức và vận dụng hệ thống sổ sách, chứng từ và tài khoản theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Theo đó, hệ thống bảng báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu biểu B01-DN)
  - Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu biểu B02- DN)
  - Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu biểu B03- DN)
  - Bảng thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu biểu B09- DN)
  - Bảng cân đối số phát sinh.
- ✓ Chính sách và phương pháp kế toán.

*Kỳ kế toán năm:* Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

*Đơn vị tiền tệ sử dụng:* Đồng Việt Nam.

*Chế độ kế toán áp dụng:* Chế độ kế toán vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ra ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.

*Hình thức kế toán áp dụng:* Kế toán trên phần mềm máy vi tính.

*Hình thức sổ sách kế toán:* Kế toán nhật ký chung

*Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho:*

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá gốc.
- Phương pháp tính trị giá hàng tồn kho: Thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

*Phương pháp khấu hao Tài sản cố định đang áp dụng:* Phương pháp khấu hao đường thẳng.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

### **2.2.1. Kế toán bán hàng**

#### 2.2.1.1. Đặc điểm quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh.

Tiêu thụ là quá trình tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất – phân phối – tiêu dùng sản phẩm. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ với sự tồn tại và phát triển của mình, công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng trong cung cấp dịch vụ để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng.

Công ty chỉ cung cấp dịch vụ, không sản xuất sản phẩm nhập kho nên không sử dụng tài khoản 155.

Về khối lượng dịch vụ cung cấp: Được thỏa thuận chi tiết với khách hàng khi ký kết hợp đồng kinh tế, một mặt làm căn cứ để lên kế hoạch sản xuất, đảm bảo đúng đủ theo hợp đồng kinh tế, mặt khác làm căn cứ để lên kế hoạch sản xuất, đảm bảo đúng đủ theo hợp đồng.

Về giá cung cấp dịch vụ: Được ghi trên bảng giá do công ty đưa ra, được khách hàng chấp nhận theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Giá cung cấp dịch vụ tương đối ổn định, vừa đáp ứng khả năng thanh toán của mọi khách hàng, vừa đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác trong địa bàn.

Về phương thức thanh toán: chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, công ty cho thanh toán chậm trong thời hạn nhất định đã được thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng kinh tế.

Theo tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh, kế toán hàng tồn kho kiêm kế toán danh thu tiêu thụ.

Đặc điểm của công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ, doanh thu trong kỳ là doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ. Công ty có đội sản xuất ở 10 đơn vị cơ sở, bao gồm: Cụm cảng Cẩm Thịnh, Cụm cảng khu I, Công trường Yên Ngựa, Cảng Cẩm Hải, Mỏ Đèo Nai, ... Doanh thu của mỗi đơn

---

vị thường tính là giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao cho các bên đối tác ở cuối mỗi năm hay khi kết thúc hợp đồng.

Kế toán tại doanh nghiệp tập hợp doanh thu của các đơn vị cơ sở để xác định doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của toàn công ty. Doanh thu chỉ được kế toán ghi nhận khi bên mua dịch vụ chấp nhận thanh toán (thanh toán ngay hoặc chậm trả).

#### 2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu Thu
- Giấy báo Có của Ngân hàng

#### 2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Trong đó: TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Chi tiết cho từng đơn vị cơ sở đang thực hiện cung ứng dịch vụ.

**Tài khoản 521** – Chiết khấu thương mại

**Tài khoản 531** – Giảm giá hàng bán

**Tài khoản 532** – Hàng bán bị trả lại

**Tài khoản 632** – Giá vốn hàng bán.

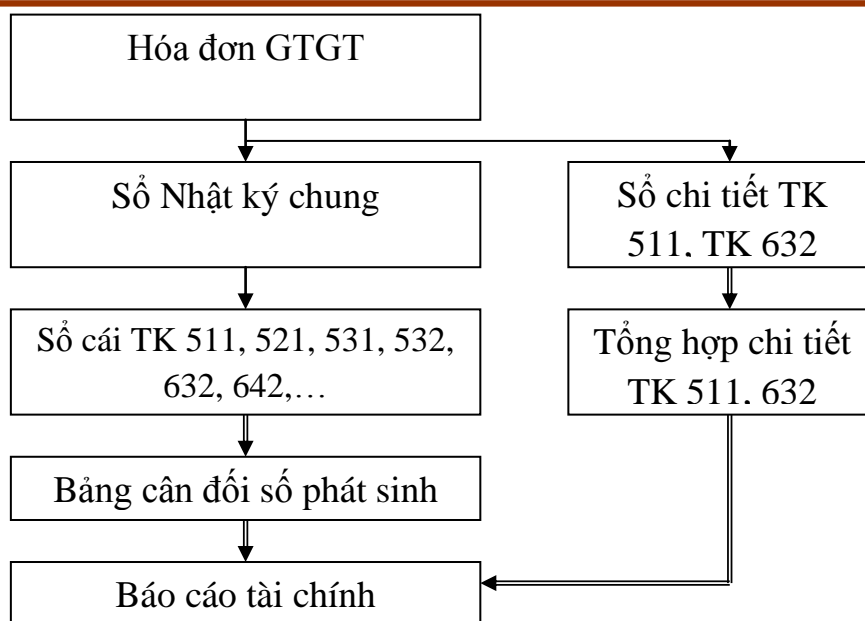
Chi tiết cho từng đơn vị cơ sở đang thực hiện cung ứng dịch vụ.

**Tài khoản 642** – Chi phí quản lý kinh doanh

Chi tiết theo khoản mục chi phí.

#### 2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán bán hàng của công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh được mô tả như ở sơ đồ 2.3 dưới đây:



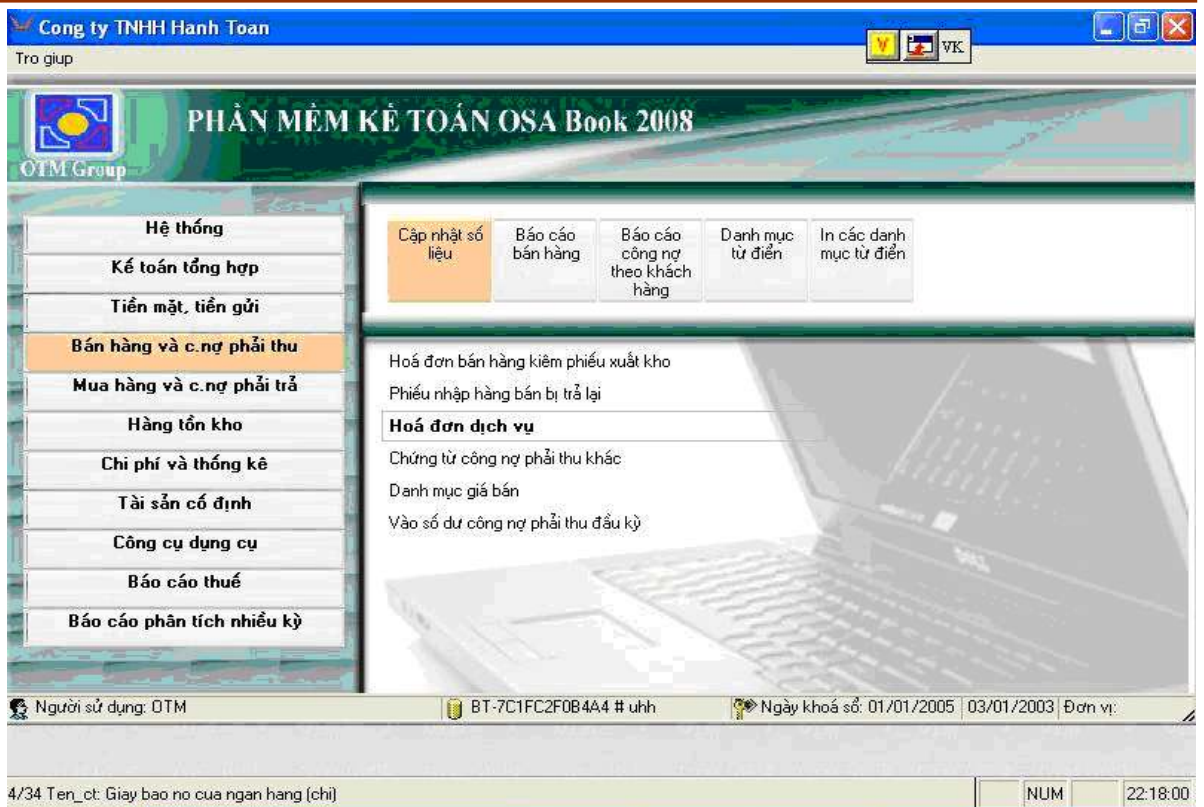
**Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán bán hàng xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

Ghi chú:

- : Cập nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- ←---→ : Đối chiếu, kiểm tra.

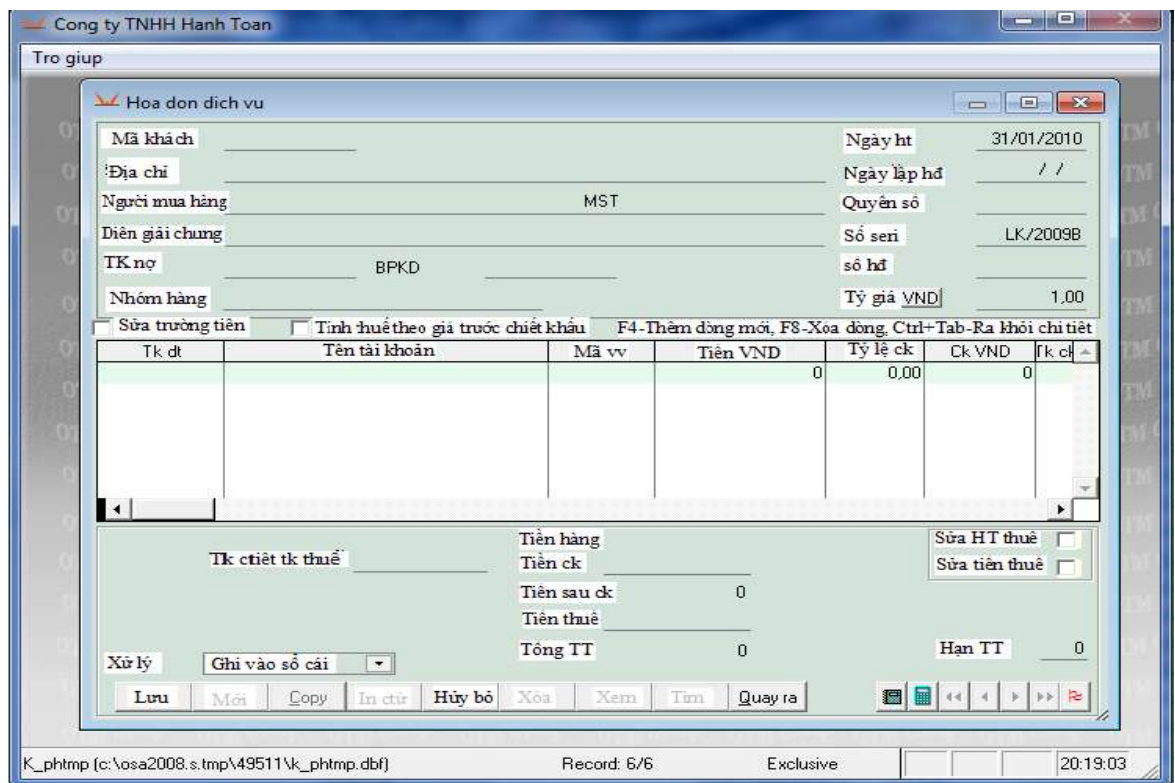
#### 2.2.1.4.1 Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Hàng ngày khi phát sinh các nghiệp vụ cung cấp hàng hóa dịch vụ (bàn giao theo hợp đồng), căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên bản xác nhận sản lượng, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm thông qua phân hệ *Bán hàng và công nợ phải thu*, chi tiết *Hóa đơn dịch vụ* (Màn hình 01) Khi kết thúc hợp đồng hay một phần công việc hoàn thành bàn giao cho bên tiếp nhận dịch vụ, kế toán xuất hóa đơn cung cấp hàng hóa dịch vụ. Hóa đơn được kế toán công ty Hạnh Toàn lập và được xác nhận bởi cả bên Hạnh Toàn và bên tiếp nhận dịch vụ.



Màn hình 01: Cập nhật dữ liệu về hóa đơn cung cấp dịch vụ

Cách thức nhập số liệu:



Màn hình 02: cách nhập dữ liệu hóa đơn cung cấp dịch vụ

Trong đó:

Các thông tin về khách hàng như *tên khách, địa chỉ, MST* đã được cập nhật trong phần *Danh mục khách hàng*, kế toán tìm trong danh mục tên khách hàng đang giao dịch.

*Diễn giải chung:* Kế toán tóm tắt ngắn gọn về nghiệp vụ kinh tế đang khai báo dữ liệu.

*TK nợ:* Tùy hình thức thanh toán của khách hàng mà công ty định khoản cho phù hợp (TK 131-Chi tiết cho khách hàng; TK 111 hay TK 112).

*Nhóm hàng:* Tên mặt hàng, dịch vụ đang cung cấp.

*Tk dt:* Tài khoản phản ánh doanh thu (TK 5113)

*Tiền VNĐ:* Là tiền theo hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)

*Mã thuế:*

- 1 – Thuế suất dịch vụ 5%
- 2 – Thuế suất dịch vụ 10%
- 3 – Thuế suất dịch vụ 0%

*Diễn giải:* Tóm tắt nội dung nghiệp vụ một cách ngắn gọn

Sau khi nhập xong dữ liệu ở phần bảng, chọn *sửa HT thuế*, lựa chọn TK thuế phù hợp trong Danh mục tài khoản đã cập nhật trong phân hệ *Hệ thống*.

Kết thúc việc nhập hóa đơn dịch vụ bằng cách chọn *Lưu*, phần mềm sẽ tự động đưa vào các sổ sách liên quan tới nghiệp vụ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản 511, 333, 111, 112, 131; đồng thời vào các sổ chi tiết của các tài khoản 511, 333, 111, 112, 131,...

Cuối năm kế toán in Báo cáo tài chính và bảng cân đối số phát sinh để đối chiếu và kiểm tra với các sổ cái.

**Ví dụ 1:** Ngày 31 tháng 12 năm 2009, hóa đơn GTGT số 055271 về hợp đồng bốc, vận chuyển than tiêu thụ tháng 12/2009 tại kho cảng Cẩm Thịnh, số tiền (chưa gồm 10% thuế GTGT) là 65.248.387 đồng. Công ty Kho vận & cảng Cẩm Thịnh - TKV chưa thanh toán.

➤ Căn cứ vào hóa đơn GTGT 055271 (*Biểu 2.1*), biên bản thanh toán của công ty Kho vận và cảng Cẩm Thịnh - TKV (*Biểu số 2.2*), kế toán hạch toán vào phân hệ bán hàng và công nợ phải thu.

➤ Số liệu tự động cập nhập vào sổ nhật ký chung tháng 12 (*Biểu số 2.3*), Sổ cái TK 511 (*Biểu số 2.4*), đồng thời vào sổ chi tiết TK 511, 131 (*Biểu số 2.5; 2.6*), bảng tổng hợp thanh toán với người mua (*Biểu số 2.7*)

➤ Cuối năm, kế toán in và đối chiếu Báo cáo tài chính, bảng cân đối số phát sinh.



<b>HÓA ĐƠN</b>	Mẫu số: 01 GTKT-3LL				
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	<b>LK/2009B</b>				
Liên 3: Nội bộ	<b>0055271</b>				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN</b>					
Địa chỉ: ..... <b>Tổ 52 – K. Trung Sơn – P. Cẩm Sơn</b> .....					
Số Tài khoản: ..... <b>TX. Cẩm Phả.. QN.ĐT: 0333.861.104</b> .....					
Điện thoại: ..... <b>MS: MST: 5700392785</b> .....					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: ..... <b>Công ty kho vận và cảng Cẩm Thịnh - TKV</b> .....					
Địa chỉ: ..... <b>Phường Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh</b> .....					
Số Tài khoản: ..... <b>102 010 000 294 082 tại Ngân hàng Công Thương Cẩm Phả</b> .....					
Hình thức thanh toán: ..... <b>MS:</b> .....					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bốc xúc than cám xuống phương tiện	Tấn	13.229,60	4.734	62.628.926
2	Đánh tầy than cám	Tấn	3.968,88	660	2.619.461
	Theo hợp đồng số 222/HĐ-KH				
	ngày 01/07/2009				
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>65.248.387</b>
<b>Thuế suất thuế GTGT: 10%</b>				<b>Tiền thuế GTGT</b>	<b>6.524.838</b>
<b>Tổng tiền thanh toán</b>					<b>71.773.225</b>
Số tiền viết bằng chữ:... <i>Bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng./</i> .....					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

**Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT số 055271**

*Nguồn trích: Phòng kế toán – tháng 12/2009*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN THANH TOÁN**

**V/v: Bốc xúc, vận chuyển than tiêu thụ tháng 12/2009**

**Tại kho cảng Cẩm Thịnh (Than xuất khẩu)**

Hôm nay, ngày 31/12/2009, tại trụ sở công ty Kho vận & Cảng Cẩm Thịnh - TKV.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KHO VẬN & CẢNG CẨM THỊNH - TKV (gọi tắt là bên A)

Ông Phạm Văn Hoan Chức vụ: Phó Giám đốc

Ông Đặng Thế Hồng Chức vụ: TP Kế hoạch

Bà Lê Thị Định Chức vụ: PP Kế toán

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN – QUẢNG NINH (gọi tắt là bên B)

Ông Nguyễn Văn Bốn Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào hợp đồng số 222/HĐ-KH ngày 01/12/2008 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 16/12/2008, phụ lục 02 ngày 16/01/2009 giữa công ty Kho vận và Cảng Cẩm Thịnh - TKV ký kết với công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh V/v bốc xúc, vận chuyển than tiêu thụ.

Căn cứ theo biên bản nghiệm thu khối lượng công việc giữa hai đơn vị thực hiện trong tháng 12/2009 với nội dung sau:

Số TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bốc xúc than cám xuống phương tiện	Tấn	13.229,60	4.734	62.628.926
2	Đánh tầy than cám	Tấn	3.968,88	660	2.619.461
	<b>Cộng</b>				<b>65.248.387</b>
<b>Bằng chữ:</b> (Sáu mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi tám đồng, ba trăm tám mươi bảy đồng)					

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho bên B.

Biên bản thanh toán này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**Nguyễn Văn Bốn**

**Phạm Văn Hoan**

***Biểu số 2.2 – Biên bản thanh toán hợp đồng 222 – tháng 12***

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
 Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN  
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
NT	Số			Nợ	Có
		<i>Số trang trước</i>		92.267.919.451	
01/12	241	Xuất Diezel cho SX	154	80.457.600	
		NVL chính	152		80.457.600
		....	...	...	...
31/12	55271	Thanh toán HĐ 222 - th12	131	71.773.225	
		Doanh thu CCDV	511		65.248.387
		Thuế GTGT	3331		6.524.838
31/12	55272	Cho thuê bến bãi mở Mông Dương	131	126.807.977	
		Doanh thu CCDV M.D	511		115.279.979
		Thuế GTGT	3331		11.527.998
31/12	718	XĐịnh GV Cẩm Thịnh	632	3.165.953.184	
		CP SXKD dở dang	154		3.165.953.184
		....	...	...	...
31/12	732	Xác định thuế TNDN còn phải nộp	821	80.643.749	
		Xác định thuế TNDN còn phải nộp	334		80.643.749
31/12	733	K/C chi phí thuế TNDN	911	151.352.672	
		K/C chi phí thuế TNDN	821		151.352.672
31/12	734	K/C lãi năm 2009	911	454.058.016	
		K/C lãi năm 2009	421		454.058.016
31/12	735	Trích lập quỹ	421	225.000.000	
		Trích lập quỹ	431		225.000.000
		<b>Cộng phát sinh</b>		132.339.268.451	132.339.268.451

**Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung năm 2009**

**CÔNG TY TNHH HANH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2009

*Số dư đầu kỳ: -*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ.ứ	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	E	G	1	2
			...	...	...	...
30/12	30/12	55270	Thanh toán hợp đồng 202-T12 Đèo Nai	131		257.283.657
31/12	31/12	55271	Thanh toán hợp đồng 222-T12 Cẩm Thịnh	131		65.248.387
31/12	31/12	55272	Doanh thu cho thuê mặt bằng bến bãi MD	131		115.279.979
			...	...	...	...
31/12	31/12	423	Kết chuyển doanh thu trong kỳ	911	12.883.115.373	
			<i>Cộng phát sinh</i>		12.883.115.373	12.883.115.373
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

*Số dư cuối kỳ: -*

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 511**

**CÔNG TY TNHH HANH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số: S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tài khoản: 51132-Doanh thu cung cấp dịch vụ kho cảng Cẩm Thịnh**

Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Doanh thu			Thuế GTGT (3331)
	SH	NT			SL	ĐG	TT	
31/01	52452	31/01	Thanh toán HĐ 222 – th1					
			Bốc xúc than cám	Tấn	30.275,65	4.734	143.324.927	14.332.493
			Đánh tầy than cám	Tấn	20.353	660	13.432.980	1.343.298
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	55271	31/12	Thanh toán HĐ 222 - th12					
			Bốc xúc than cám	Tấn	13.229,60	4.734	62.628.926	6.262.892
			Đánh tầy than cám	Tấn	3.968	660	2.619.461	261.946
			<b>Tổng cộng</b>				4.063.646.914	406.364.691

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết TK 511**

CÔNG TY TNHH HANH TOÀN

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số: S13-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

**Tài khoản: 131KV**

Đối tượng: Công ty Kho vận và cảng Cẩm Thịnh

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				-	
15/01	45	15/01	Công ty KH ứng trước	112		200.000.000		200.000.000
31/01	52452	31/01	Thanh toán HĐ 222-T1	511	432.066.637		232.066.637	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	43.206.663		275.273.300	
			...	...	...	...	...	...
31/12	55271	31/12	Thanh toán HĐ 222-T12	511	65.248.387		70.171.752	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	6.524.838		63.646.914	
			Cộng số phát sinh		4.063.646.914	4.000.000.000		
			Số dư cuối năm				63.646.914	

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.6 Trích Sổ chi tiết thanh toán với người mua**

**CÔNG TY TNHH HANH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Tài khoản: 131**

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Năm 2009

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty kho vận & cảng Cẩm Thịnh	-		4.063.646.914	4.000.000.000	63.646.914	
2	Công ty than Mông Dương	409.567.398		5.609.189.499	5.500.000.000	518.756.897	
3	Công ty than Đèo Nai	175.235.243		2.785.358.245	2.500.000.000	460.593.488	
4	Công ty CP than Cao Sơn	-		2.453.870.302	2.400.000.000	53.870.302	
	...	...	...	...	...	...	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>790.667.918</b>		<b>14.900.180.818</b>	<b>14.514.124.126</b>	<b>1.176.724.610</b>	

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

***Biểu số 2.7 Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua***

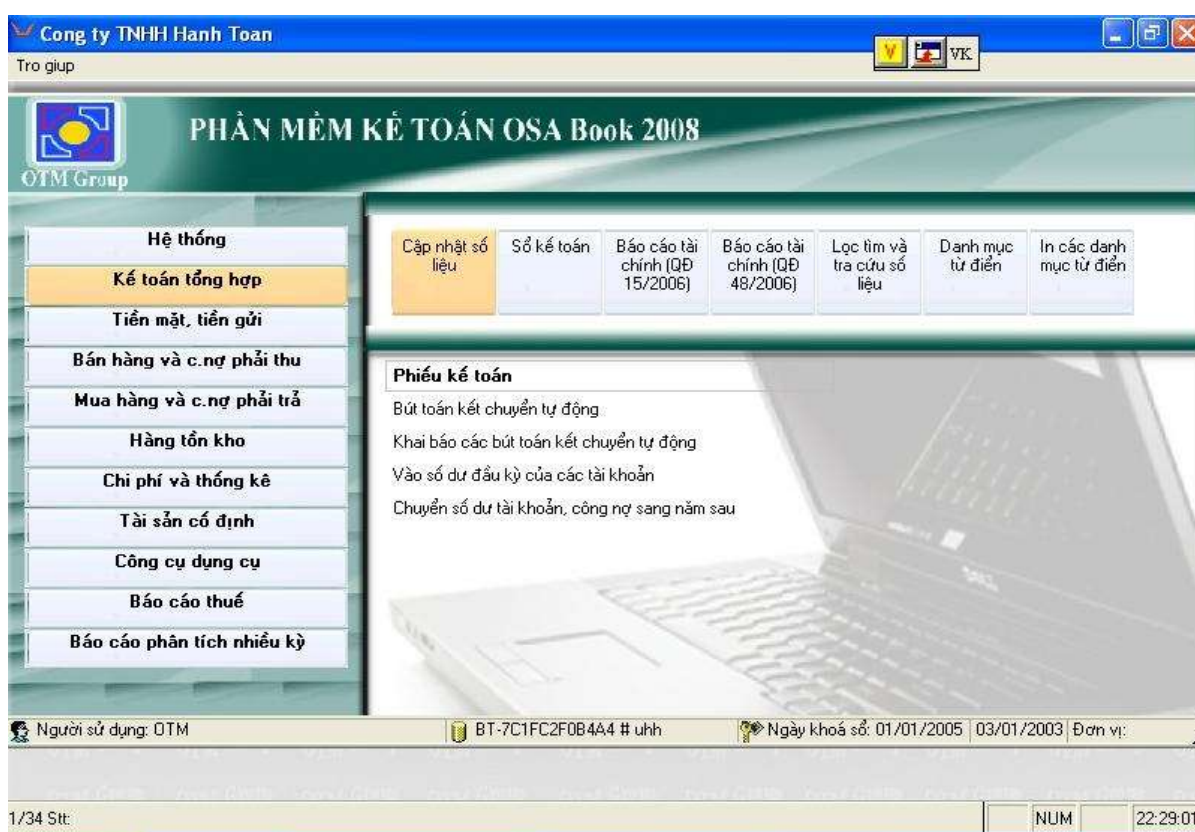


### 2.2.1.4.2 Hạch toán giá vốn hàng bán

Do không có sản phẩm từ sản xuất mà hoạt động chính của công ty là cung ứng dịch vụ cho nên công ty tính giá vốn theo từng hợp đồng dịch vụ vào cuối mỗi năm hoặc khi bàn giao nghiệm thu hợp đồng.

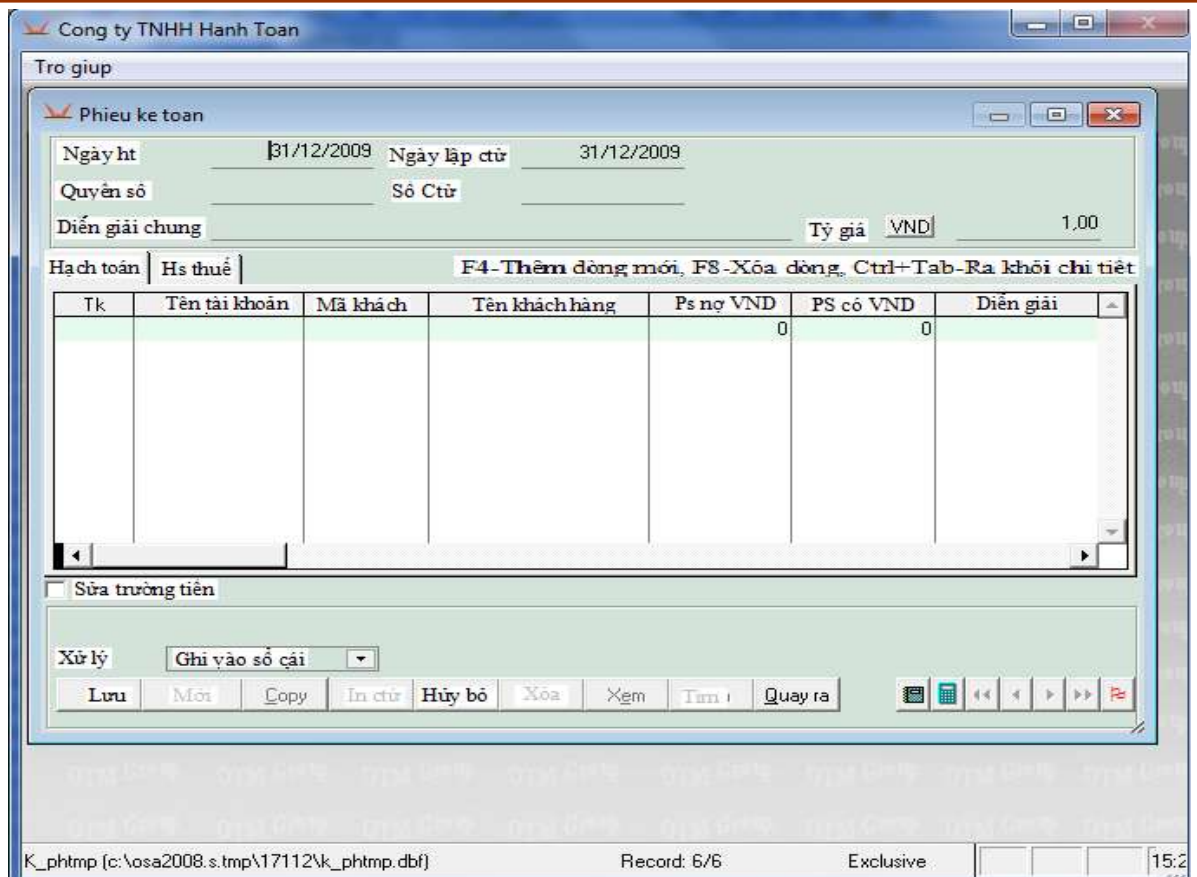
Khi bàn giao cho đối tác, công ty chỉ ghi nhận doanh thu mà không ghi nhận ngay giá vốn. Giá vốn chỉ ghi nhận khi hết hợp đồng và tiến hành quyết toán.

Cuối năm kế toán thực hiện xác định giá vốn của hợp đồng theo khối lượng công việc hoàn thành trong năm. Dựa vào tổng hợp chi tiết TK 154 cho từng đối tượng trong năm. Kế toán lập *phiếu kế toán* xác định giá vốn đối với hợp đồng tại từng đơn vị trong năm 2009 thông qua phân hệ *Kế toán tổng hợp* (Màn hình 03)



Màn hình 03: Lập phiếu kế toán trong phân hệ kế toán tổng hợp

Cụ thể cách nhập số liệu vào phiếu kế toán (màn hình 04)



Màn hình 04: Cách thức nhập dữ liệu vào phiếu kế toán

Kế toán nhập dữ liệu vào theo đúng thực tế.

Ngày hạch toán, ngày chứng từ: 31/12/2009 do công ty tiến hành xác định giá vốn vào cuối năm

Diễn giải chung: Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ...

Tài khoản: Dựa vào định khoản, kế toán ghi Nợ TK 632 Có TK 154, số tiền phát sinh Nợ, Có theo số tính toán trong kỳ.

Mã khách, tên khách: Được lựa chọn trong danh mục khách hàng đã được khai báo.

Sau khi nhập xong, kế toán nhận Lưu để lưu thông tin về phiếu kế toán.

**Ví dụ 2:** Căn cứ vào bảng tổng hợp Chi phí tại Cảng Cẩm Thịnh (Biểu số 2.8), Kế toán tiến hành tổng hợp chi phí phát sinh để tính giá thành cho dịch vụ tại cụm cảng Cẩm Thịnh, đồng thời kết chuyển vào giá vốn qua phiếu kế toán số 718 (Biểu số 2.9).

Phần mềm tự cập nhật số liệu vào Nhật ký chung (*Biểu số 2.3*), sổ cái TK 632 (*Biểu số 2.10*), đồng thời vào sổ chi tiết TK 632 (*Biểu số 2.11*)

Cuối năm, kế toán in và đối chiếu Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH HANH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO BỘ PHẬN**

**Tài khoản: 154- Chi phí SXKD dở dang**

Bộ phận: Cảng Cẩm Thịnh – Chi tiết theo dõi TK 1542

Năm 2009

*Số dư Đầu kỳ: 0*

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền
	Ngày	Số			
			....		
01/12	01/12	241	Xuất dầu Diesel	1521	80.457.600
			....		
31/12	31/12	705	PB lương Cẩm Thịnh	3341	110.375.122
			....		
31/12	31/12	BPB KH12	HM tiện vận tải Cẩm Thịnh	21413	240.093
			....		
			Cộng tổng		3.165.953.184

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp chi phí tại cụm cảng Cẩm Thịnh***

**CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số phiếu: 718

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
K/C chi phí dở dang Cẩm Thịnh	6322		3.165.953.184	
K/C chi phí dở dang Cẩm Thịnh	1542			3.165.953.184
<b>Cộng tổng</b>			3.165.953.184	3.165.953.184

Bằng chữ: Ba tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm tám mươi tư đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.9: Phiếu kế toán số 718 xác định giá vốn DV Cẩm Thịnh**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
NT	Số			Nợ	Có
		Số trang trước		92.267.919.451	
01/12	241	Xuất Diezel cho SX	154	80.457.600	
		NVL chính	152		80.457.600
		....	...	...	...
31/12	55271	Thanh toán HĐ 222-T12	131	71.773.225	
		Doanh thu CCDV C.T	511		65.248.387
		Thuế GTGT	3331		6.524.838
31/12	55272	Cho thuê bến bãi mô Mông Dương	131	126.807.977	
		Doanh thu CCDV M.D	511		115.279.979
		Thuế GTGT	3331		11.527.998
31/12	718	K/c chi phí dở dang Cẩm Thịnh	632	3.165.953.184	
		K/c chi phí dở dang Cẩm Thịnh	154		3.165.953.184
		....	...	...	...
31/12	732	Xác định thuế TNDN còn phải nộp	821	80.643.749	
		Xác định thuế TNDN còn phải nộp	334		80.643.749
31/12	733	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	151.352.672	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821		151.352.672
31/12	734	Kết chuyển lãi năm 2009	911	454.058.016	
		Kết chuyển lãi năm 2009	421		454.058.016
31/12	735	Trích lập quỹ	421	225.000.000	
		Trích lập quỹ	431		225.000.000
		Cộng phát sinh		132.339.268.451	132.339.268.451

**Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung năm 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán**

Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ.ứ	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	E	G	1	2
			Số dư đầu năm		-	-
			....	....	....	....
31/12	31/12	718	K/c chi phí dở dang Cẩm Thịnh	154	3.165.953.184	
31/12	31/12	719	K/c chi phí dở dang cảng Mông Dương	154	4.237.265.421	
			...	...	...	...
31/12	31/12	730	K/c giá vốn dịch vụ trong kỳ	911		9.535.952.284
			Cộng số phát sinh		9.535.952.284	9.535.952.284
			Số dư cuối kỳ		-	-

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 632 năm 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số S20 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 6322

Tên TK: Giá vốn dịch vụ cảng Cẩm Thịnh

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				-	-	
31/12	718	31/12	K/c chi phí dở dang cảng Cẩm Thịnh	154	3.165.953.184		3.165.953.184		
31/12	730	31/12	K/c giá vốn cảng Cẩm Thịnh	911		3.165.953.184	-	-	
			Cộng số phát sinh		3.165.953.184	3.165.953.184			
			Số dư cuối kỳ				-	-	

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.11: Trích sổ chi tiết TK 632 năm 2009**

### 2.2.1.4.3 Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm tất cả chi phí hàng ngày liên quan đến toàn doanh nghiệp như chi phí tiếp khách bàn về hợp đồng sản xuất...

Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan tới chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán nhập số liệu vào phần mềm thông qua phân hệ liên quan như *Tài sản cố định* (trường hợp trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận văn phòng), *Tiền mặt tiền gửi ngân hàng* (trường hợp chi phí thu mua cho bộ phận văn phòng trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng),...

**Ví dụ 3:** Ngày 23/12/2009 nhận hóa đơn số 86117 của công ty TV & cấp nước Quảng Ninh về việc thanh toán tiền nước tháng 11, công ty trả ngay bằng tiền mặt.

Ngày 31/12/2009 kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ có tại doanh nghiệp tháng 12 (trong đó có bộ phận văn phòng)

- Căn cứ hóa đơn thanh toán tiền nước tháng 11 (*Biểu số 2.12*), phiếu chi số 701 (*Biểu số 2.13*) kế toán nhập số liệu vào phần mềm thông qua phân hệ *Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng*.
- Căn cứ bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 12/2009 (*Biểu số 2.14*), bảng phân bổ chi phí khấu hao (*Biểu số 2.15*), kế toán lập Phiếu kế toán phản ánh trích khấu hao Tài sản cố định
- Từ phiếu kế toán, số liệu cập nhập vào sổ Nhật ký chung (*Biểu số 2.3*), sổ cái tài khoản 642 (*Biểu số 2.16*)
- Cuối năm, kế toán tiến hành in, đối chiếu báo cáo tài chính, bảng cân đối số phát sinh.



<p><b>CÔNG TY TC &amp; CẤP NƯỚC QN</b>                  Xí nghiệp nước Cẩm Phả  <b>HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC (GTGT)</b></p>		
Ngày 23 tháng 12 năm 2009 (Liên 2: giao khách hàng)		Ký hiệu: AK/2009B No: 0086117
Mã số thuế: 5700100104 Khách hàng: Công ty TNHH Hạnh Toàn Địa chỉ: Tổ 52 Trung Sơn P.Cẩm Sơn Mã số thuế KH: 5700392785		
Danh bộ: CP06C042 (306CQ00142)		Số hộ dùng chung: 1
Chỉ số mới 1893	Chỉ số cũ 2062	M <sup>3</sup> tiêu thụ 169
Chi tiết	Đơn giá	Thành tiền
M <sup>3</sup> tiêu thụ	100 6 800 69 9 800	680 000 676 200
Cộng:		1 356 200
Thuế suất VAT 5%, tiền VAT:		67 810
Cộng tiền nước và tiền thuế GTGT:		1 424 010
Phí thoát nước thải		203 430
Người thu tiền ký (ghi rõ họ tên)		
Mức thu tối thiểu: 0	Thuê bao Đ.H: 0	B.hành Đ.H: 0
Tổng số tiền phải trả: <b>1 627 440</b> Bằng chữ: <b>Một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng.</b> <i>Sử dụng theo CV số 3843 TCT/AC ngày 30/10/1998 của Tổng cục Thuế</i>		

**Biểu số 2.12: Hóa đơn thanh toán tiền nước tháng 11**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN

Mẫu số 02 - TT

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTB)

**PHIẾU CHI**

Ngày 23 tháng 12 năm 2009

Số phiếu: 701

Tkhoản: 111 1.627.440

TK Đ.ứ: 642 1.559.630

133 67.810

Người nhận tiền: Hà Thị Lựu

Đơn vị: CC005 – Công ty TC và cấp nước QN

Địa chỉ: Cẩm Phả

Lý do chi: Chi tiền nước VP kỳ 11/2009

Số tiền: 1.627.440

Viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng chẵn

Kèm theo: .....01 .....Chứng từ gốc .....

Ngày 23 tháng 12 năm 2009

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....

.....

Ngày 23 tháng 12 năm 2009

THỦ QUỸ

NGƯỜI NHẬN TIỀN

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

***Biểu số 2.13: Phiếu chi số 701 trả tiền nước tháng 11***

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu 06-DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ**

Từ tháng 12 đến tháng 12 năm 2009

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Ngày tính KH	Số kỳ KH (tháng)	Nguyên giá	Gtrị KH trong kỳ	Giá trị KH lũy kế	Giá trị còn lại
	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>				<b>4.714.887.876</b>	<b>30.734.372</b>	<b>968.075.159</b>	<b>3.746.812.717</b>
1	Mặt bằng cảng Khu I Mông Dương	MBANGKI	01/01/2007	180	4.290.609.942	24.447.920	770.109.478	3.520.500.464
	....	....			....		....	
	<b>Máy móc, thiết bị</b>				<b>4.417.247.578</b>	<b>81.586.201</b>	<b>2.403.986.089</b>	<b>2.013.261.489</b>
4	Dây chuyền sàng nghiền than	DCSANG	01/04/2007	60	263.297.070	4.782.105	134.180.239	129.116.831
	....	....			....		....	
	<b>Phương tiện vận tải</b>				<b>2.066.720.682</b>	<b>25.748.346</b>	<b>444.727.889</b>	<b>1.621.992.793</b>
13	Xe ô tô 7 chỗ 14N 7469	HUYNDAI	20/05/2009	72	380.107.955	5.279.277	38.998.530	341.109.425
	....	....			....		....	
	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>				<b>48.500.000</b>	<b>1.739.583</b>	<b>36.145.829</b>	<b>12.354.171</b>
19	Máy phát điện 5Kw	MFATDIEN	19/06/2008	24	35.000.000	1.458.333	27.708.329	7.291.671
20	Máy fotocopy ZICOH 4822, kệ máy	MFOTO	01/07/2007	48	13.500.000	281.250	8.437.500	5.062.500
<b>Tổng cộng</b>					<b>11.247.356.136</b>	<b>139.808.502</b>	<b>3.852.934.966</b>	<b>7.394.421.170</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.14: Trích bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 12**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ**

Từ tháng 12 đến tháng 12 năm 2009

Số TT	TK khấu hao	Tên TK khấu hao	TK Chi phí	Tên TK chi phí	Giá trị phân bổ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	21411	Hao mòn nhà cửa, vật kiến trúc	1541	CP SXKD dở dang cảng khu I	30.734.372
2	21412	Hao mòn máy móc thiết bị	1542	CP SXKD dở dang cảng C.Thịnh	37.534.421
3	21412	Hao mòn máy móc thiết bị	1543	CP SXKD dở dang CT Yên Ngựa	44.051.780
4	21413	Hao mòn phương tiện vận tải	1541	CP SXKD dở dang cảng C.Thịnh	215.504
5	21413	Hao mòn phương tiện vận tải	1543	CP SXKD dở dang CT Yên Ngựa	240.093
6	21413	Hao mòn phương tiện vận tải	6424	CP KHTSCĐ bộ phận QLDN	25.292.749
7	21414	Hao mòn dụng cụ, thiết bị Qlý	1543	CP SXKD dở dang CT Yên Ngựa	1.458.333
8	21414	Hao mòn dụng cụ, thiết bị Qlý	6424	CP KHTSCĐ bộ phận QLDN	281.250
<b>Cộng tổng</b>					<b>139.808.502</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.15: Trích bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN

Mẫu số S03a-DNN

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
NT	Số			Nợ	Có
		<i>Số trang trước</i>		92.267.919.451	
01/12	241	Xuất Diesel cho SX	154	80.457.600	
		NVL chính	152		80.457.600
		....	...	...	...
23/12	701	Trả tiền nước tháng 11 VP	642	1.559.630	
		Thuế giá trị gia tăng	133	67.810	
		Trả bằng tiền mặt	111		1.627.440
		....	...	...	...
31/12	BPB KH12	Hao mòn pvtv QLDN	642	25.292.749	
		Hao mòn pvtv QLDN	214		25.292.749
		....	...	...	...
		Hao mòn DCTB QLDN	642	281.250	
		Hao mòn DCTB QLDN	214		281.250
		....	...	...	...
31/12	732	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	9.535.952.284	
		Kết chuyển giá vốn hàng bán	632		9.535.952.284
		....	...	...	...
31/12	734	K/C lãi năm 2009	911	454.058.016	
		K/C lãi năm 2009	421		454.058.016
31/12	735	Trích lập quỹ	421	225.000.000	
		Trích lập quỹ	431		225.000.000
		Cộng phát sinh		132.339.268.451	132.339.268.451

**Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung năm 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh  
Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Nợ	Có
SH	NT				
		Số dư đầu năm		-	-
		...	...	...	...
701	23/12	Trả tiền nước tháng 11 bằng tiền mặt	111	1.559.630	
702	23/12	Mua văn phòng phẩm, trả bằng tiền mặt	111	225.000	
		...	...	...	...
BPB KH12	31/12	Hao mòn phương tiện vận tải bộ phận QLDN	2143	25.292.749	
		Hao mòn Dụng cụ, thiết bị quản lí bộ phận QLDN	2144	281.250	
724	31/12	Lương tính cho Bộ phận QLDN	334	67.404.800	
		...	...	...	...
731	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		1.861.938.980
		Cộng tổng số phát sinh		1.861.938.980	1.861.938.980
		Số dư cuối năm		-	-

GIÁM ĐỐC  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 642**

---

## **2.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### 2.2.2.1. Đặc điểm quá trình xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả cuối cùng của các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (cung cấp dịch vụ); kết quả hoạt động tài chính; kết quả hoạt động khác.

Nội dung xác định kết quả kinh doanh.

- + Tổ chức, theo dõi, phản ánh và xác định riêng kết quả của từng hoạt động.
- + Trong từng hoạt động phải theo dõi kết quả chi tiết của từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng lao vụ dịch vụ.

### 2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 535** – Doanh thu hoạt động tài chính.

**Tài khoản 635** – Chi phí tài chính

**Tài khoản 711** – Thu nhập khác

**Tài khoản 811** – Chi phí khác

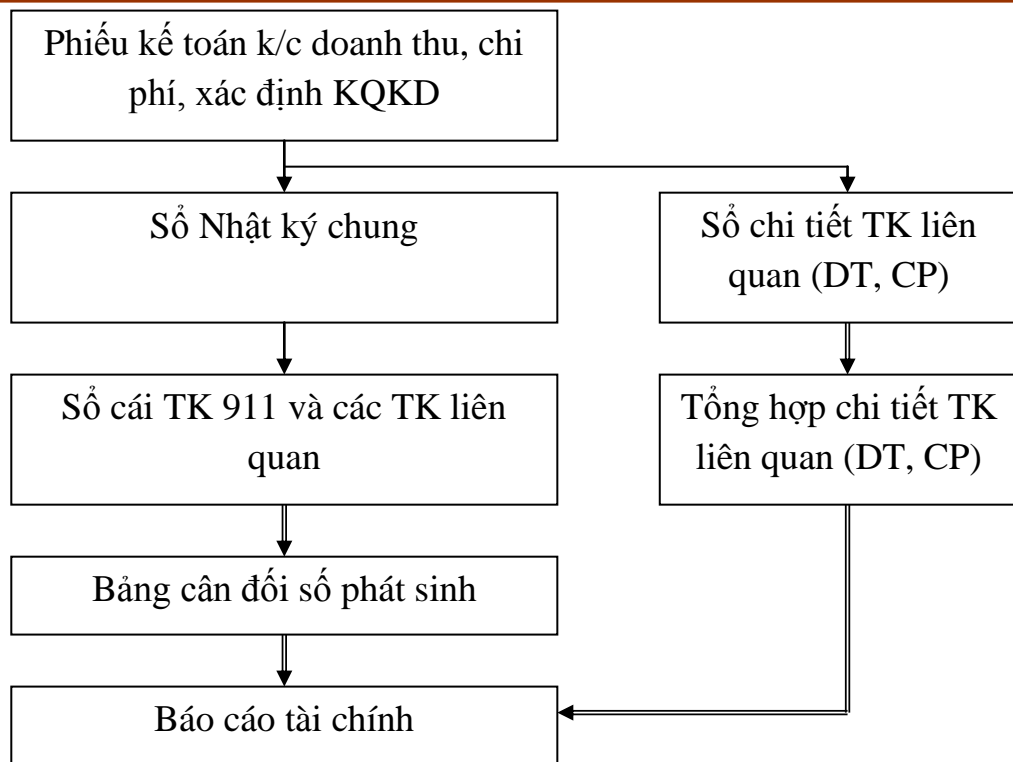
**Tài khoản 911** – Xác định kết quả sản xuất kinh doanh

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số tài khoản như: TK 421, 3334, 821,...

### 2.2.2.4. Quy trình hạch toán:

Cuối năm, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn được mô tả qua sơ đồ sau đây:



**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

**2.2.2.4.1. Doanh thu tài chính - chi phí tài chính - Thu nhập khác - chi phí khác.**

✓ *Doanh thu tài chính (TK 515):* dùng phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân iệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

✓ *Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)* phản ánh các khoản chi phí trong hoạt động tài chính như lỗ mua bán ngoại tệ, lỗ đầu tư tài chính.

✓ *Thu nhập khác (TK 711)* phản ánh khoản thu từ các hoạt động khác như thu từ thanh lý tài sản cố định.

✓ *Chi phí khác (TK 811)* phản ánh khoản chi phí từ hoạt động khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp: Chi nhượng bán TSCĐ, chi phạt vi phạm hợp đồng,...



#### 2.2.2.4.2. Xác định kết quả kinh doanh

✓ Cuối kỳ, kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh (lỗ - lãi). Phần mềm sẽ tự động kết chuyển toàn bộ doanh thu và chi phí trong kỳ vào tài khoản trung gian (TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh) theo khai báo kết chuyển tự động mà kế toán nhập vào máy.

**Ví dụ 4:** Ngày 31/12/2009 kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2009.

➤ Kế toán khai báo các bút toán kết chuyển tự động vào phân hệ tổng hợp -> khai báo bút toán kết chuyển tự động.

➤ Kế toán in phiếu kế toán liên quan đến bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh:

- Phiếu kế toán số 730 kết chuyển doanh thu 2009 (*Biểu số 2.17*).

- Phiếu kế toán số 731 kết chuyển giá vốn, chi phí 2009 (*Biểu số 2.18*).

- Phiếu kế toán số 732 xác định thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp 2009 (*Biểu số 2.19*).

- Phiếu kế toán số 733 kết chuyển chi phí thuế TNDN 2009 (*Biểu số 2.20*)

- Phiếu kế toán số 734 kết chuyển lãi năm 2009 (*Biểu số 2.21*)

- Phiếu kế toán số 735 trích lập quỹ (*Biểu số 2.22*)

➤ Từ phiếu kế toán, phần mềm sẽ tự cập nhật số liệu vào các sổ sách liên quan: Sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.3*) Sổ cái TK 911, 821, 421 (*Biểu số 2.23, 2.24, 2.25*).

➤ Kế toán in báo cáo tài chính, đối chiếu và kiểm tra.

**CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số hiệu: 730

<b>Nội dung</b>	<b>TK</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Ps Nợ</b>	<b>Ps Có</b>
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		12.883.115.373	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911			12.883.115.373
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		743.292.879	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911			743.292.879
Kết chuyển thu nhập khác	711		689.865.000	
Kết chuyển thu nhập khác	911			689.865.000
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>14.316.273.252</b>	<b>14.316.273.252</b>

*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi hai đồng.*

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**người lập biểu**

*(ký, họ tên)*

**Biểu số 2.17: Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu năm 2009**

**CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số hiệu: 731

<b>Nội dung</b>	<b>TK</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Ps Nợ</b>	<b>Ps Có</b>
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		9.535.952.284	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	632			9.035.952.284
Kết chuyển chi phí tài chính	911		1.283.993.528	
Kết chuyển chi phí tài chính	635			1.283.993.528
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.861.938.980	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642			1.861.938.980
Kết chuyển chi phí khác	911		1.073.977.772	
Kết chuyển chi phí khác	811			1.073.977.772
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>13.775.862.564</b>	<b>12.775.862.564</b>

Bằng chữ: Mười ba tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Biểu số 2.18: Phiếu kế toán kết chuyển giá vốn, chi phí năm 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số hiệu: 732

Nội dung	TK	Vụ việc	Ps Nợ	Ps Có
Xác định số thuế TNDN còn phải nộp năm 2009	821		80.463.749	
Xác định số thuế TNDN còn phải nộp năm 2009	3334			80.463.749
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>80.463.749</b>	<b>80.463.749</b>

Bằng chữ: Tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.19: Phiếu kế toán xác định thuế TNDN còn nộp năm 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số hiệu: 733

Nội dung	TK	Vụ việc	Ps Nợ	Ps Có
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		151.352.672	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821			151.352.672
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>151.352.672</b>	<b>151.352.672</b>

Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.20: Phiếu kế toán kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số hiệu: 734

Nội dung	TK	Vụ việc	Ps Nợ	Ps Có
Kết chuyển lãi 2009	911		454.058.016	
Kết chuyển lãi 2009	4211			454.058.016
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>454.058.016</b>	<b>454.058.016</b>

Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi tư triệu không trăm năm mươi tám nghìn không trăm mười sáu đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kế toán trưởng**

**người lập biểu**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.21: Phiếu kế toán kết chuyển lãi 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số hiệu: 735

Nội dung	TK	Vụ việc	Ps Nợ	Ps Có
Trích lập quỹ 2009	421		225.000.000	
Trích lập quỹ 2009	431			225.000.000
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>225.000.000</b>	<b>225.000.000</b>

Bằng chữ: hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kế toán trưởng**

**người lập biểu**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.22: Phiếu kế toán trích lập quỹ**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
NT	Số			Nợ	Có
		<i>Số trang trước</i>		92.267.919.451	92.267.919.451
01/12	241	Xuất Diesel cho SX	154	80.457.600	
		NVL chính	152		80.457.600
		....	...	...	...
31/12	730	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	12.883.115.373	
		Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		12.883.115.373
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	743.292.879	
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		743.292.879
		Kết chuyển thu nhập khác	711	689.865.000	
		Kết chuyển thu nhập khác	911		689.865.000
31/12	731	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	9.535.952.284	
		Kết chuyển giá vốn hàng bán	632		9.535.952.284
		....	...	...	...
31/12	732	Thuế TNDN còn phải nộp	821	80.463.749	
		Thuế TNDN còn phải nộp	3334		80.463.749
31/12	733	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	151.352.672	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821		151.352.672
31/12	734	Kết chuyển lãi năm 2009	911	454.058.016	
		Kết chuyển lãi năm 2009	421		454.058.016
31/12	735	Trích lập quỹ	421	225.000.000	
		Trích lập quỹ	431		225.000.000
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>132.339.268.451</b>	<b>132.339.268.451</b>

**Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung năm 2009**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả sản xuất kinh doanh  
Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Nợ	Có
SH	NT				
		<b>Số dư đầu năm</b>			
730	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		12.883.115.373
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.243.292.879
		Kết chuyển thu nhập khác	711		599.865.000
731	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	9.035.952.284	
		...	...	...	...
733	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	151.352.672	
734	31/12	Kết chuyển lãi năm 2009	4211	454.058.016	
		<i>Cộng tổng số phát sinh</i>		<b>15.976.398.501</b>	<b>15.976.398.501</b>
		<b>Số dư cuối năm</b>			

GIÁM ĐỐC  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 911**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Mẫu số S03b - DNN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 821 – Chi phí thuế TNDN

Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Nợ	Có
SH	NT				
		<b>Số dư đầu năm</b>		-	-
152	10/04	Thuế TNDN tạm nộp Q1	3334	27.358.500	
201	23/06	Ghi giảm thuế TNDN phải nộp năm 2008	3334		29.463.377
...	...	...	...	...	...
733	31/12	Xác định Thuế TNDN còn phải nộp	3334	80.463.749	
734	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		151.352.672
		Cộng tổng số phát sinh		<b>180.816.049</b>	<b>180.816.049</b>
		<b>Số dư cuối năm</b>		-	-

GIÁM ĐỐC  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 821***



CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Nợ	Có
SH	NT				
		<b>Số dư đầu năm</b>			<b>570.619.456</b>
...	...	...	...	...	...
734	31/12	Kết chuyển lãi 2009	911		454.058.016
735	31/12	Trích lập quỹ	431	225.000.000	
		Cộng tổng số phát sinh		556.638.200	454.058.016
		<b>Số dư cuối năm</b>			<b>688.039.272</b>

GIÁM ĐỐC  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 421**

---

### **2.2.3. Báo cáo liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

Báo cáo tài chính công ty sử dụng theo quyết định 48/2006-QĐ-BTC, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu biểu B01-DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu biểu B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu biểu B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu biểu B09-DNN)

Ngoài ra có Bảng cân đối số phát sinh.

Sau đây là một số biểu mẫu báo cáo 2009 liên quan tới quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh:

- Báo cáo kết quả kinh doanh (*Biểu số 2.26*)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (*Biểu số 2.27*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2009

Mẫu số B02-DNN  
 Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-  
 BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ  
 trưởng BTC

**Người nộp thuế:** Công ty TNHH Hạnh Toàn

**Mã số thuế:**

5	7	0	0	3	9	2	7	8	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

**Địa chỉ trụ sở:** Tổ 52, Khu Trung Sơn, P. Cẩm Sơn

**Quận/huyện:** TX. Cẩm Phả                      **Tỉnh/TP:** Quảng Ninh

**Điện thoại:** 0333.861.104                      **Fax:** 0333.862.705      **Email:**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Th. Minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	12.883.115.373	8.319.792.180
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>12.883.115.373</b>	<b>8.319.792.180</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		9.535.952.284	6.157.043.126
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>3.347.163.089</b>	<b>2.162.749.054</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		743.292.879	712.573.600
7	Chi phí tài chính	22		1.238.993.528	1.350.964.500
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.233.468.732	1.350.964.500
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		1.861.938.980	1.109.583.248
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)</b>	<b>30</b>		<b>989.523.460</b>	<b>414.774.906</b>
10	Thu nhập khác	31		689.865.000	1.641.482.238
11	Chi phí khác	32		1.073.977.772	1.263.730.122
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-384.112.772</b>	<b>377.752.116</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>605.410.688</b>	<b>792.527.022</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51		151.352.672	221.907.566
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>454.058.016</b>	<b>570.619.456</b>

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2010

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

***Biểu số 2.26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số B09 – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

### I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp...

### IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo KQ hoạt động KD

<b>08. Chi tiết doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng		
<i>Trong đó doanh thu trao đổi hàng hóa</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.883.115.373	8.319.792.180
<i>Trong đó doanh thu trao đổi dịch vụ</i>		
Doanh thu hoạt động tài chính	743.292.879	712.573.600
<i>Trong đó</i>		
Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia	743.292.879	712.573.600
...		
<b>09. Điều chỉnh các khoản tăng, giảm thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
(1) Tổng lợi nhuận Kế toán trước thuế	605.410.688	792.527.022
(2) Các khoản thu nhập không tính vào TN chịu thuế	-	-
(3) Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập	-	-
(4) Lỗ các năm 2008 được trừ vào lợi nhuận trước thuế	-	-
(5) Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (5=1-2+3-4)	605.410.688	112.216.985
<b>10. Chi phí SXKD theo yếu tố:</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	1.738.470.297	874.274.332
Chi phí nhân công	3.519.108.668	2.066.389.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.645.099.230	1.205.566.791
Chi phí cung cấp dịch vụ (mua ngoài)	2.626.001.234	1.410.515.612
Chi phí khác bằng tiền	7.272.855	600.297.011
<b>Cộng</b>	<b>9.535.952.284</b>	<b>6.157.043.126</b>

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

...

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2010

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.27: Trích bản thuyết minh báo cáo Tài chính**

---

**CHƯƠNG 3:****MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN – QUẢNG NINH****3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh****3.1.1 Ưu điểm****✓ Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do kế toán viên cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối ngày của doanh nghiệp.

Các kế toán viên thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó cung cấp đầy đủ và kịp thời những thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty, cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Với việc áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện đơn giản, đồng thời vẫn đảm bảo được tính chính xác, đặc biệt với hình thức này rất thuận tiện cho việc áp dụng kế toán trên máy vi tính.

**✓ Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán**

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản phù hợp với hệ thống tài khoản của Bộ Tài chính ban hành.

Các chứng từ trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ và bảo quản cẩn thận theo quy định.

Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác, đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng, thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra sổ sách và đối chiếu giữa những sổ sách có liên quan. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

Hình thức kế toán áp dụng là kế toán trên phần mềm máy vi tính, có nhiều thuận lợi cho công tác kế toán tại công ty. Do công việc kế toán ghi sổ thường có rất nhiều công việc dồn về cuối kỳ và không tránh được những sai sót trong hạch toán, việc áp dụng kế toán trên phần mềm máy vi tính giảm được hạn chế này của kế toán ghi sổ.

#### ***✓ Về công tác kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh***

Tổ chức kế toán bán hàng: Mọi nghiệp vụ phát sinh về cung cấp dịch vụ kế toán công ty đều ghi nhận doanh thu và giá vốn một cách chính xác và đầy đủ. Đây là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

Cũng không thể không kể đến công sức của đội ngũ cán bộ tại bộ phận kế toán vừa vững nghiệp vụ, nhiệt tình vừa linh hoạt trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp các thông tin kế toán giúp cung cấp thông tin kế toán cung cấp kịp thời, đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của ban lãnh đạo công ty. Điều này góp ích không nhỏ cho các quyết định đầu tư, các phương hướng phát triển phù hợp để có được hiệu quả cao nhất cho toàn doanh nghiệp.

### **3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được trong công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh thì công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh vẫn còn có những nhược điểm nhất định trong quá trình phát triển của mình.

#### **✓ Về việc vận dụng hệ thống sổ sách kế toán**

Sổ cái của các tài khoản chỉ được lập, in vào cuối năm, do đó không nắm bắt kịp thời những thông tin cho việc đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và đề ra những quyết định kịp thời.

Có một số mẫu sổ kế toán công ty lập không theo mẫu quy định của Bộ Tài chính như:

- Không sử dụng sổ chi tiết chi phí kinh doanh theo từng khoản phát sinh nên rất khó theo dõi. Cụ thể như khó biết được trong chi phí QLDN có bao nhiêu chi phí cho nhân công, chi phí khấu hao TSCĐ,...

- Kế toán lập sổ chi tiết chi phí sản xuất (TK 154) nhưng cũng không phản ánh được cụ thể từng khoản mục như Nguyên vật liệu, Khấu hao máy móc,...

#### **✓ Về việc luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán:**

Luân chuyển chứng từ: Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các nhân viên kế toán và thủ kho công ty cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết nên quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

✓ **Về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh:**

Về công tác bán hàng: Khi kết thúc hợp đồng kinh tế tức là công trình đã hoàn thành, công ty thực hiện quyết toán công trình gặp khó khăn trong việc công nợ với khách hàng do chưa có chính sách và điều kiện cụ thể trong hợp đồng kinh tế.

Công ty cũng không áp dụng các hình thức giảm giá hay cho khách hàng hưởng chiết khấu. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả cung cấp dịch vụ chưa cao, không thu hút được khách hàng mới, nhất là trong thời kỳ thị trường mang tính cạnh tranh cao như hiện nay.

Kế toán thực hiện xác định giá vốn hàng bán vào thời điểm cuối năm, kế toán không thống kê được đầy đủ và kịp thời chi phí đầu vào của công trình để cung cấp cho nhà quản lý biết được hợp đồng nào đang có nguy cơ gây lỗ hay lãi cao, gây khó khăn trong việc ra quyết định đầu tư của nhà quản lý.



### 3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh.

Từ những hạn chế đã nêu ở trên và những kiến thức đã được học tại nhà trường, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh như sau:

**Biện pháp 1:** Công ty nên áp dụng các khoản giảm giá, chiết khấu cho khách hàng. Trong hợp đồng, công ty nên nêu rõ việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng tùy thời điểm khách hàng thanh toán tiền nợ, cụ thể:

- Khách hàng trả trong vòng 3 tháng kể từ ngày phát sinh nợ hưởng chiết khấu thanh toán với tỷ lệ 0,7% trên số tiền ghi nợ.

- Khách hàng trả trong khoảng từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày phát sinh nợ hưởng chiết khấu thanh toán với tỷ lệ 0,5% trên số tiền ghi nợ.

Hàng ngày khi diễn ra nghiệp vụ về chiết khấu thanh toán, kế toán định khoản:

Nợ TK 635

Có TK 131-X

**Ví dụ 5:** Ngày 16/02/2009, công ty than Đèo Nai trả tiền cung ứng dịch vụ trong tháng 1, tổng tiền theo hóa đơn số 48607 ngày 31/01/2009 là 123.720.121 đồng.

Do trả trong thời hạn 3 tháng nên công ty than Đèo Nai được nhận chiết khấu thanh toán với tỷ lệ 0,7%. Kế toán theo dõi cụ thể trên bảng theo dõi chi tiết chiết khấu thanh toán khách hàng (*Biểu số 3.1*).

Theo ví dụ trên, việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho công ty than Đèo Nai ngày 16/02 số tiền:  $123.720.121 \times 0,7\% = 866.041$  đồng đã làm tăng chi phí (Nợ TK 635). Tuy nhiên việc này lại khuyến khích khách hàng nhanh thanh toán, giúp ích cho công ty trong việc quay vòng vốn, sử dụng vốn một cách hiệu quả hơn.

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**BẢNG THEO DÕI CHI TIẾT CHIẾT KHẤU THANH TOÁN KHÁCH HÀNG**

Năm 2009

Chứng từ		Khách hàng	Nội dung	Ngày p.s nợ	Ngày trả	Số tiền ghi nợ	TL CK (%)	Số CK	Số thực thu	Ghi chú
SH	NT									
A	B	C	D	E	G	(1)	(2)	(3)=(1)x(2)/100	(4)=(1)-(3)	
...	16/02	CTy than Đèo Nai	TT HĐ-th1	31/01	16/02	123.720.121	0,7	866.041	122.854.080	
...	17/05	Cty kho vận & cảng Cẩm Thịnh	TT HĐ-th1	31/01	17/05	275.273.300	0,5	1.376.367	273.896.933	
...	17/05	Cty kho vận & cảng Cẩm Thịnh	TT HĐ-th2	28/02	17/05	380.206.934	0,7	2.661.449	377.545.485	
...	25/08	Cty than Mông Dương	TT HĐ-th3	31/03	25/08	691.165.255	0,5	3.455.826	687.709.428	
		...	...	...	...	...	...	...	...	
		<b>Cộng tổng</b>				...	...	...	...	

**Biểu 3.1: Trích bảng theo dõi chi tiết thanh toán khách hàng**

**Biên pháp 2:** Công ty nên áp dụng đúng hệ thống tài khoản theo quyết định số 48 của Bộ tài chính.

Theo đó, tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh bao gồm 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng.
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Từ đó phản ánh đúng các khoản mục liên quan tới bán hàng và quản lý doanh nghiệp cho phù hợp nội dung của từng tiểu khoản.

**Biên pháp 3:** Công ty nên xúc tiến các hình thức quảng cáo để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm khách hàng mới. Ví dụ như việc gửi đơn chào hàng tới những khách hàng tiềm năng; quảng cáo qua mạng internet để thu hút khách hàng mới có nhu cầu tiếp nhận dịch vụ của công ty;...

Để khoản chi phí quảng cáo của công ty được coi là hợp lý hợp lệ thì chi phí này nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng chi phí của công ty.

**Ví dụ 6:** Trong năm 2009, công ty thực hiện quảng cáo bằng nhiều hình thức, tổng giá trị khoản chi phí này là 20.000.000 đồng.

Việc chi cho quảng cáo nên được kế toán theo dõi trên bảng chi tiết các khoản chi quảng cáo phát sinh trong năm 2009 (*Biểu số 3.2*)

Khi phát sinh chi phí quảng cáo kế toán ghi

Nợ TK 6421-

Có TK 111

Việc tăng chi phí quảng cáo 20.000.000 đồng làm tăng chi phí (Nợ TK 6421), tuy nhiên nếu quảng cáo hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp thu hút khách hàng, tăng doanh thu cung cấp dịch vụ với tốc độ cao hơn tốc độ tăng chi phí, từ đó lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp tăng lên.

**CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN**

Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

**BẢNG CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢNG CÁO**

Tài khoản: 6421- Chi phí bán hàng

Năm 2009

Chứng từ		Khoản mục	TK đối ứng	Số Tiền
SH	NT			
...	...	Chi in đơn chào hàng tháng 1	111	2.000.000
...	...	Quảng cáo mạng tháng 1	112	5.000.000
...	...	...	...	...
		<b>Cộng tổng</b>		...

**Biểu số 3.2: Bảng chi tiết chi phí quảng cáo năm 2009**

**Biện pháp 4:** Công ty nên lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng mẫu của bộ tài chính đã ban hành (*Biểu số 3.3*) như:

+ Sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp theo dõi cho từng khoản chi phí để thuận tiện trong việc theo dõi các khoản chi phí phát sinh là những khoản nào; Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra các biện pháp cắt giảm chi phí sao cho hiệu quả và hợp lý nhất. Góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Cụ thể:

- ✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp – TK 6422 sẽ chia thành các tiểu khoản:
  - TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý.
  - TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý.
  - TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng.
  - TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - TK 64225: Thuế, phí và lệ phí.
  - TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- TK 64228: Chi phí khác bằng tiền

**Ví dụ 7:** Căn cứ vào phiếu kế toán TSCĐ tháng 12 (*Biểu số 2.18*) về trích khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp, kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (*Biểu số 3.4*)

✓ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – TK 154, kế toán cần chi tiết hơn cho từng dịch vụ để biết từng mục chi phí trong tổng giá thành để có những điều chỉnh phù hợp nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất. Lấy chi phí dở dang cảng Cẩm Thịnh – TK 1542 làm ví dụ, các chi tiết tài khoản nên có:

- TK 15421: Chi phí nhân công lao động
- TK 15422: Chi phí nguyên vật liệu sản xuất
- TK 15423: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 15424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 15427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 15428: Chi phí bằng tiền khác

**Ví dụ 8:** Căn cứ vào phiếu kế toán khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp (*Biểu số 2.18*), kế toán ghi sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cảng Cẩm Thịnh (*Biểu số 3.5*).

**Ví dụ 7:**

CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số S18 – DNN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản : 6422  
Tên TK : Chi phí quản lý doanh nghiệp  
Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642				
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						TK 64221	TK 64222	TK 64224	TK 64227
			<i>Số dư đầu kỳ</i>						
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>						
			....	....	....	....	....	....	....
12/12	PC301	12/12	Cước máy bàn EVN	111	251.725				251.725
			...	...	...	...	...	...	...
31/12	BL12	31/12	Tính lương bộ phận hành chính T12	334	66.494.800	66.494.800			
31/12	BPB KH12	31/12	Hao mòn phương tiện vận tải bộ phận QLDN	2143	25.292.749			25.292.749	
			Hao mòn DC, TB quản lí bộ phận QLDN	2144	281.250			281.250	
			...	...	...	...	...	...	...
			<i>Cộng phát sinh trong kỳ</i>		1.861.938.980	793.937.600	5.257.245	306.887.988	299.460.843
			<i>Ghi có TK 6422</i>		1.861.938.980				
			<i>Số dư cuối kỳ</i>						

**Biểu số 3.3: Trích sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh**

**Ví dụ 8:** CÔNG TY TNHH HẠNH TOÀN  
Tổ 52, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Mẫu số S18 – DNN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản : 1542

Tên TK : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cảng Cẩm Thịnh  
Năm 2009

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 1542				
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						TK 15421	TK 15422	TK 15424	TK 15427
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		-				
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>						
			....	....	....	....	....	....	....
07/12	PX26	12/12	Xuất diesel cho cảng Cẩm Thịnh	152	1.411.708		1.411.708		
			...	...	...	...	...	...	...
31/12	BL12	31/12	Tính lương khoán công nhân tại cảng Cẩm Thịnh tính đến hết tháng 12	334	527.393.657	527.393.657			
31/12	PKT TS 12	31/12	Hao mòn máy móc thiết bị C.Th	2142	37.534.421			37.534.421	
			Hao mòn tiện vận tải C.Th	2143	215.504			215.504	
			...	...	...	...	...	...	...
			<i>Cộng phát sinh trong kỳ</i>		3.165.953.184	727.393.657	1.743.453.225	578.259.800	116.846.502
			<i>Ghi có TK 1542</i>		3.165.953.184				
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		-				

*Biểu số 3.4: trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh*

**Biên pháp 5:** Công ty cần nắm vững quy hoạch, kế hoạch phát triển của nhà nước, chính sách của ngành than, nắm bắt nhanh nhạy các yêu cầu của thị trường để có thể ra những quyết định kinh doanh một cách đúng đắn, hợp lý và đúng thời điểm thuận lợi nhất.

Ví dụ như cuối năm 2008, chính phủ có quyết định khuyến khích xuất khẩu than, từ đó công ty cần nắm bắt để có những quyết định về chính sách của công ty nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ trong cùng lĩnh vực dịch vụ.

**Biên pháp 6:** Công ty cần làm tốt công tác quản lý nhân sự, tuyển mới hoặc tạo điều kiện cho nhân viên theo học những khóa học nghiệp vụ nâng cao chuyên môn. Việc đảm bảo chuyên môn của cán bộ, nhân viên trong phòng kế toán sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn trong công tác hạch toán kế toán, giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định kịp thời.

Công ty có thể tạo điều kiện cho nhân viên đi học các lớp đào tạo để củng cố chuyên môn nghiệp vụ, nắm bắt các thay đổi trong việc hạch toán nghiệp vụ kế toán, thuế,...

**Biên pháp 7:** Kế toán trưởng kiêm quá nhiều công việc, nên giảm bớt gánh nặng cho kế toán trưởng. Ban lãnh đạo công ty có thể tuyển thêm nhân viên kế toán giỏi nghiệp vụ để gánh vác một phần trách nhiệm với kế toán trưởng. Kế toán mới có thể đảm nhiệm vai trò kế toán tổng hợp, kiểm tra đối chiếu số liệu, lập báo cáo tài chính và nộp lên cơ quan nhà nước theo đúng thời gian quy định.

**Biên pháp 9:** Hiện nay đã có phần mềm OSA PRO với độ chính xác về mẫu số sách, kết nối dữ liệu cao hơn phần mềm OSA Book 2008, công ty có thể tham khảo để ứng dụng phần mềm mới này.



---

## KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập mở ra một thị trường rộng lớn cùng với nhiều cơ hội mà các doanh nghiệp có thể nắm bắt để thành công đồng thời cũng mở ra cho các doanh nghiệp môi trường cạnh tranh rộng rãi hơn và gay gắt hơn. Trong điều kiện đó, kế toán được các doanh nghiệp sử dụng như một công cụ khoa học để tiếp cận một cách khách quan, thông hiểu tường tận các dữ liệu tài chính từ đó ghi nhận, phân tích và trình bày một cách thích hợp. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh làm một nhân tố đóng vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp thương mại.

Qua thời gian nghiên cứu đề tài, em đã khái quát được cơ sở lý luận, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu về thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh. Cũng qua thời gian tìm hiểu và nghiên cứu đề tài, em đã tự học hỏi thêm được nhiều điều:

- Về lý luận: Thấy rõ được tầm quan trọng của công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: Chỉ ra được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh; Từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện sao cho phù hợp với thực tế công ty và tình hình chung của đất nước.

Em xin cảm ơn sự giúp đỡ của toàn thể nhân viên trong phòng tài chính kế toán công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt thời gian thực tập tại công ty.

Em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo - Ths Nguyễn Thị Thúy Hồng đã hướng dẫn tận tình giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Em cũng gửi lời biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng đã dạy dỗ, chỉ bảo chúng em trong suốt quá trình học tập.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải Phòng, Tháng 6 năm 2010*

Sinh viên

Đào Thị Thu Phương

---

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### **1. Hệ thống kế toán doanh nghiệp**

TS. Phạm Huy Đoán

Năm 2004 – NXB Tài Chính

### **2. Hướng dẫn lập chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán**

Chủ nhiệm Nguyễn Thanh Tùng

Năm 2005 – NXB Tài Chính

### **3. Giáo trình kế toán tài chính**

TS Nguyễn Đình Đỗ

PGS. TS Ngô Thế Chi

Năm 2003 – NXB Tài Chính

### **4. Kế toán trong các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ**

TS Nguyễn Phú Giang

Năm 2004 – NXB Tài Chính

### **5. Các tài liệu kế toán năm 2009 của công ty TNHH Hạnh Toàn – Quảng Ninh**

Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hạnh Toàn.

Năm 2009

### **6. Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam**

Nguồn: <http://www.ketoanvietnam.com.vn>

[www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)